

## LỜI MỞ ĐẦU

Trong bối cảnh chung của nền kinh tế thế giới đang lâm vào tình trạng khủng hoảng, nó đặt các doanh nghiệp vào cuộc cạnh tranh gay gắt trên thương trường. Bởi vậy, các doanh nghiệp cần tạo cho mình lợi thế cạnh tranh để tồn tại và phát triển, đó là sự cạnh tranh giữa các doanh nghiệp trong nước với nhau và sự cạnh tranh giữa các doanh nghiệp trong nước với các doanh nghiệp nước ngoài.

Vậy dựa vào đâu để có thể biết được một doanh nghiệp là đang phát triển, có khả năng phát triển hoặc đứng trước nguy cơ phá sản - chính là thông qua các con số về tình hình tài chính của doanh nghiệp. Những thông tin này chỉ có kế toán mới thu thập, tổng hợp và cung cấp được, thông qua hệ thống báo cáo tài chính do kế toán cung cấp, ta có thể biết được tình hình tài chính của doanh nghiệp như thế nào. Đồng thời, đó cũng là cơ sở để cơ quan thuế, các đối tác làm ăn và các tổ chức tài chính xem xét làm việc và hợp tác.

Việc tổ chức hạch toán kế toán của doanh nghiệp có nhiều khâu quan trọng, trong đó tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh là một khâu cơ bản của hạch toán kế toán trong doanh nghiệp. Bởi nó cho biết sản phẩm của doanh nghiệp được tiêu thụ như thế nào, chi phí trong quá trình sản xuất và tiêu thụ sản phẩm ra sao và kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ doanh nghiệp đạt được. Những thông tin từ đây giúp cho các nhà quản trị đưa ra đối sách phù hợp.

Vì vậy, để kế toán đặc biệt là kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh phát huy hết vai trò chức năng của nó, cần phải biết tổ chức kế toán một cách hợp lý, khoa học và thường xuyên.

Xuất phát từ thực tế đó nên trong thời gian thực tập tại công ty nhờ sự chỉ bảo hướng dẫn tận tình của Th.s Trần Thị Thanh Phương em đã đi sâu vào nghiên cứu đề tài: " Hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Xí nghiệp kinh doanh phát triển nhà – Công ty kinh doanh nhà Hải Phòng" cho bài khóa luận của mình.

Nội dung của khóa luận được trình bày trong 3 chương:

*Chương 1: Cơ sở lý luận về tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp*

*Chương 2: Thực tế về tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Xí nghiệp kinh doanh phát triển nhà – Công ty kinh doanh nhà Hải Phòng*

*Chương 3: Một số ý kiến nhằm hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Xí nghiệp kinh doanh phát triển nhà – Công ty kinh doanh nhà Hải Phòng*

Mặc dù được sự hướng dẫn, giúp đỡ nhiệt tình của Th.s Trần Thị Thanh Phương cùng các thầy cô giáo và các chị trong phòng kế toán nhưng do trình độ nghiệp vụ của em còn hạn chế nên bài viết của em còn nhiều thiếu sót. Em kính mong các thầy cô chỉ bảo để em hoàn thành tốt bài khóa luận của em.

Em xin chân thành cảm ơn Th.s Trần Thị Thanh Phương và các thầy cô, các cán bộ nhân viên phòng tài vụ đã tạo điều kiện giúp đỡ em hoàn thành tốt khóa luận này.

Em xin chân thành cảm ơn!

*Hải Phòng, ngày      tháng      năm 2010*

**Sinh viên**

***Trần Thị Hoàng Anh***

**CHƯƠNG 1****CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ TỔ CHỨC KẾ TOÁN  
DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ  
KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP****1.1 Sự cần thiết phải tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp**

Doanh thu là nguồn tài chính để đảm bảo trang trải các khoản chi phí trong hoạt động kinh doanh, để đảm bảo cho doanh nghiệp có thể tái sản xuất giản đơn cũng như tái sản xuất mở rộng. Doanh thu cũng là nguồn để các doanh nghiệp có thể thực hiện nghĩa vụ với nhà nước như nộp các khoản thuế theo quy định, là nguồn để tham gia góp vốn cổ phần... ý nghĩa quan trọng nhất của doanh thu được thể hiện thông qua quá trình tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ.... Nó có vai trò quan trọng không chỉ đối với mỗi đơn vị kinh tế mà còn đối với toàn bộ nền kinh tế quốc dân.

Chi phí là tổng giá trị làm giảm lợi ích kinh tế trong một thời kỳ dưới hình thức các khoản tiền đã chi ra, các khoản giảm trừ vào tài sản hoặc phát sinh các khoản nợ làm giảm vốn chủ sở hữu.

Kết quả kinh doanh là khâu cuối cùng của hoạt động sản xuất kinh doanh và các hoạt động khác của doanh nghiệp sao cho một thời kỳ nhất định được biểu hiện bằng số tiền lãi hay lỗ.

Chính vì vậy tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh đối với doanh nghiệp là một việc hết sức cần thiết, giúp người quản lý nắm bắt được tình hình hoạt động và đẩy mạnh việc kinh doanh có hiệu quả của doanh nghiệp.

**1.2 Nhiệm vụ của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp**

Để kế toán thực sự là công cụ sắc bén, đáp ứng tốt các yêu cầu quản lý tình hình tiêu thụ hàng hóa của doanh nghiệp thì kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh phải thực hiện tốt các nhiệm vụ sau:

- Phản ánh các ghi chép đầy đủ, kịp thời chính xác tình hình hiện có và sự biến động của từng loại hàng hóa theo chỉ tiêu số lượng, chất lượng, chủng loại và giá trị.

- Phản ánh và ghi chép đầy đủ, kịp thời chính xác các khoản doanh thu, các khoản giảm trừ doanh thu và chi phí từng hoạt động trong doanh nghiệp, đồng thời phải theo dõi thật chi tiết, cụ thể tình hình thanh toán của từng đối tượng khách hàng để thu hồi kịp thời vốn kinh doanh.

- Phản ánh đầy đủ các chi phí phát sinh như giá vốn hàng bán, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, chi phí hoạt động tài chính cũng như các loại chi phí khác làm cơ sở xác định kết quả sản xuất kinh doanh.

### **1.3 Đặc điểm tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp xây lắp**

Tổ chức kế toán tài chính trong các doanh nghiệp xây lắp phải tuân thủ các quy định chung của luật kế toán, chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán hiện hành. Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp xây lắp phải đảm bảo các yêu cầu cơ bản, thực hiện việc ghi chép, tính toán đầy đủ, kịp thời chi phí sản xuất, giá thành sản phẩm, doanh thu bán hàng, xác định kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và hoạt động khác của doanh nghiệp phù hợp với đặc điểm của ngành xây lắp và phù hợp với chuẩn mực kế toán số 15 “Hợp đồng xây dựng” của quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31/12/2002 của Bộ trưởng BTC.

Đặc điểm tổ chức kế toán trong các doanh nghiệp xây lắp thể hiện rõ ở những nội dung cụ thể như sau:

- Doanh thu và chi phí của hợp đồng xây dựng được ghi nhận theo một trong hai trường hợp:

+ Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, khi kết quả thực hiện hợp đồng được xác định một cách đáng tin cậy thì doanh thu, chi phí của hợp đồng xây dựng được ghi nhận tương ứng với

phần công việc đã hoàn thành do nhà thầu tự xác định vào thời điểm lập báo cáo tài chính mà không phụ thuộc vào hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch đã lập hay chưa và số tiền đã ghi trên hóa đơn là bao nhiêu.

+ Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng được xác định một cách đáng tin cậy và được ghi nhận thì doanh thu, chi phí liên quan đến hợp đồng xây dựng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong kỳ phản ánh trên hóa đơn đã lập.

- Doanh thu của hợp đồng xây dựng bao gồm:

+ Doanh thu ban đầu được ghi trong hợp đồng.

+ Các khoản tăng, giảm khi thực hiện hợp đồng, các khoản tiền thưởng và các khoản thanh toán khác nếu các khoản này có khả năng làm thay đổi doanh thu và có thể xác định một cách đáng tin cậy như tăng doanh thu vì lý do tăng giá, tiền thưởng do nhà thầu thực hiện hợp đồng đạt hay vượt mức một số tiêu chuẩn cụ thể đã được ghi trong hợp đồng, khoản khách hàng hay bên khác thanh toán cho nhà thầu để bù đắp các chi phí không bao gồm trong hợp đồng.

#### **1.4 Nội dung tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp**

##### ***1.4.1 Kế toán doanh thu bán hàng, các khoản giảm trừ doanh thu và chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh***

###### ***1.4.1.1 Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, doanh thu nội bộ***

Doanh thu là tổng giá trị các lợi ích kinh tế doanh nghiệp thu được trong kỳ kế toán, phát sinh từ các hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường của doanh nghiệp góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu.

###### **➤ Điều kiện ghi nhận doanh thu**

Việc xác định và ghi nhận doanh thu phải tuân thủ các qui định trong chuẩn mực kế toán số 14: "Doanh thu và thu nhập khác" và các chuẩn mực kế toán có liên quan.

Việc ghi nhận doanh thu, chi phí phải theo nguyên tắc phù hợp. Khi ghi nhận một khoản doanh thu thì phải ghi nhận một khoản chi phí tương ứng có liên quan đến việc tạo ra doanh thu đó.

Doanh thu bán hàng được ghi nhận đồng thời thoả mãn 5 điều kiện sau:

- Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá cho người mua.

- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hoá như người sở hữu hàng hoá hoặc quyền kiểm soát hàng hoá.

- Doanh thu được xác định là tương đối chắc chắn.

- Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.

- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

➤ *Nguyên tắc hạch toán doanh thu bán hàng*

Hạch toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cần tôn trọng một số quy định sau:

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thu đã thu được tiền hoặc sẽ thu được tiền từ các giao dịch và nghiệp vụ phát sinh doanh thu như bán sản phẩm, hàng hoá, bất động sản đầu tư, cung cấp dịch vụ cho khách hàng gồm cả các khoản phụ thu và phí thu thêm ngoài giá bán (nếu có).

- Trường hợp doanh nghiệp có doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ bằng ngoại tệ thì phải quy đổi ngoại tệ ra đồng Việt Nam hoặc đơn vị tiền tệ chính thức sử dụng trong kế toán theo tỉ giá giao dịch thực tế phát sinh hoặc tỷ giá giao dịch bình quân trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng do ngân hàng nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ kinh tế.

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ thuần mà doanh nghiệp thực hiện được trong kỳ kế toán có thể thấp hơn doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, ghi nhận ban đầu do những nguyên nhân sau: Doanh nghiệp chiết khấu thương mại, giảm giá hàng đã bán cho khách hàng hoặc hàng đã bán bị trả lại (do không đảm bảo về quy cách phẩm chất, ghi nhận trong hợp đồng kinh tế) và doanh nghiệp phải nộp thuế TTĐB hoặc thuế xuất khẩu, thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp được tính trên doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ thực tế mà doanh nghiệp đã thực hiện trong kỳ kế toán.

- TK 511 "Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ": chỉ phản ánh doanh thu của khối lượng sản phẩm, hàng hoá, bất động sản đầu tư đã bán, dịch vụ đã cung

cấp được xác định là đã bán trong kỳ không phân biệt là đã thu được tiền hay sẽ thu được tiền.

- Đối với sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ thì doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là giá bán chưa thuế GTGT.

- Đối với sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ không thuộc đối tượng chịu thuế GTGT hoặc đối tượng chịu thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp thì doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là tổng giá thanh toán.

- Đối với những sản phẩm, hàng hoá chịu thuế TTĐB, thuế xuất khẩu thì doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là doanh thu gồm cả thuế TTĐB và thuế xuất khẩu.

- Đối với doanh nghiệp ghi nhận bán hàng theo phương thức bán đúng giá hưởng hoa hồng thì doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là số tiền hoa hồng được hưởng.

- Đối với những doanh nghiệp nhận gia công chế biến chỉ phản ánh vào doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ số tiền gia công chế biến nhận được không bao gồm giá trị vật tư hàng hoá nhận gia công chế biến.

- Trong trường hợp doanh nghiệp bán hàng theo phương thức trả chậm, trả góp doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là trả tiền ngay, lãi trả chậm, trả góp được hạch toán vào doanh thu hoạt động tài chính trong kỳ.

- Đối với doanh thu cho thuê tài sản có nhận trước tiền thuê trong nhiều năm thì doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong năm tài chính được xác định trên cơ sở lấy tổng số tiền nhận được chia cho số kì nhận trước tiền.

- Đối với những doanh nghiệp cung cấp dịch vụ theo yêu cầu của Nhà Nước được nhà nước trợ cấp, trợ giá thì doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là số tiền được nhà nước trợ cấp trợ giá.

- Trong trường hợp doanh nghiệp đã xuất hoá đơn và thu tiền bán hàng nhưng cuối kỳ chưa bàn giao cho khách hàng thì được ghi vào bên có tài khoản phải thu của khách hàng.

- Sản phẩm hàng hoá đã xác định là tiêu thụ trong kỳ nhưng lại bị khách hàng trả lại hoặc yêu cầu giảm giá hoặc khách hàng mua với khối lượng lớn được hưởng chiết khấu thương mại được hạch toán vào TK 531, TK 532, TK 521.

- Không hạch toán vào tài khoản 511 các trường hợp sau:

+ Trị giá hàng hoá, vật tư, bán thành phẩm xuất giao cho bên ngoài gia công chế biến.

+ Trị giá sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ cung cấp giữa công ty, tổng công ty với các đơn vị hạch toán phụ thuộc.

+ Trị giá sản phẩm, hàng hoá và dịch vụ cung cấp cho nhau giữa tổng công ty với các đơn vị thành viên.

+ Trị giá sản phẩm, hàng hoá đang gửi bán, dịch vụ hoàn thành đã cung cấp cho khách hàng nhưng chưa xác định là đã bán.

+ Trị giá hàng gửi bán theo phương thức gửi bán đại lý, ký gửi (chưa được xác định là đã bán)

+ Doanh thu hoạt động tài chính và các khoản thu nhập khác không được coi là doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.

➤ *Các phương thức bán hàng*

Phương thức bán hàng có ảnh hưởng trực tiếp đối với việc sử dụng các tài khoản kế toán phản ánh tình hình xuất kho thành phẩm, hàng hoá. Đồng thời có tính chất quyết định đối với việc xác định thời điểm bán hàng và hình thành doanh thu bán hàng và tiết kiệm chi phí bán hàng để tăng lợi nhuận. Hiện nay các doanh nghiệp đang vận dụng các phương thức bán hàng sau:

• Bán hàng trực tiếp: là phương thức giao hàng cho người mua trực tiếp tại kho (hay trực tiếp tại các phân xưởng không qua kho) của doanh nghiệp. Số hàng khi bàn giao cho khách hàng được chính thức coi là tiêu thụ và người bán mất quyền sở hữu về số hàng này. Người mua thanh toán hay chấp nhận thanh toán số hàng mà người bán đã giao.

• Bán hàng theo phương thức gửi hàng đi bán, gửi hàng đại lý, ký gửi: Bán hàng đại lý, ký gửi là phương thức bên chủ hàng (bên giao đại lý) xuất hàng giao



cho bên nhận đại lý, ký gửi (gọi là bên nhận đại lý) để bán. Bên đại lý sẽ hưởng thù lao đại lý dưới hình thức hoa hồng hoặc chênh lệch giá.

• Bán hàng theo phương thức trả góp: là phương thức bán hàng thu tiền nhiều lần. Người mua sẽ thanh toán lần đầu ngay tại thời điểm mua. Số tiền còn lại người mua chấp nhận trả dần ở các kỳ tiếp theo và phải chịu một tỷ lệ lãi suất nhất định. Thông thường số tiền trả ở các kỳ tiếp theo là bằng nhau trong đó gồm một phần doanh thu gốc và một phần lãi trả chậm.

Theo phương thức trả góp về mặt hạch toán, khi giao hàng cho người mua thì lượng hàng chuyển giao được coi là tiêu thụ. Về thực chất, chỉ khi nào người mua thanh toán hết tiền hàng thì doanh nghiệp mới mất quyền sở hữu.

➤ *Chứng từ sử dụng*

- Hóa đơn bán hàng (hóa đơn GTGT)
- Phiếu xuất kho
- Phiếu thu
- Sổ chi tiết, sổ cái các TK có liên quan...

➤ *Tài khoản sử dụng*

✓ *Tài khoản 511 “Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ”* dùng để phản ánh doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp thực hiện trong một kỳ kế toán của hoạt động sản xuất kinh doanh.

Tài khoản 511 không có số dư cuối kỳ. Tài khoản 511 có năm tài khoản cấp 2 như sau:

- TK 5111: Doanh thu bán hàng hoá
- TK 5112 : Doanh thu bán các thành phẩm
- TK 5113 : Doanh thu cung cấp dịch vụ
- TK 5114 : Doanh thu trợ cấp, trợ giá
- TK 5117 : Doanh thu kinh doanh BĐS đầu tư

Kết cấu tài khoản:

Bên nợ:

- Số thuế TTĐB hoặc thuế xuất khẩu phải nộp tính trên doanh thu bán hàng thực tế của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã cung cấp cho khách hàng và xác định là đã bán trong kỳ kế toán.

- Số thuế GTGT phải nộp của doanh nghiệp nộp thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp.

- Doanh thu bán hàng, các khoản giảm giá hàng bán, các khoản chiết khấu thương mại kết chuyển cuối kỳ.

- Kết chuyển doanh thu thuần vào TK 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.

Bên có:

- Doanh thu bán sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và cung cấp dịch vụ của doanh thu thực hiện trong kỳ kế toán.

✓ *Tài khoản 512 “Doanh thu bán hàng nội bộ”* dùng để phản ánh doanh thu số sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ tiêu thụ trong nội bộ các doanh nghiệp. Doanh thu tiêu thụ nội bộ là số tiền thu được do bán hàng hoá, sản phẩm, cung cấp dịch vụ tiêu thụ nội bộ giữa các đơn vị trực thuộc trong cùng một công ty, tổng công ty...

Tài khoản 512 không có số dư cuối kỳ và có các tài khoản chi tiết như sau:

- TK 5121 : Doanh thu bán hàng hoá

- TK 5122 : Doanh thu bán các thành phẩm

- TK 5123 : Doanh thu cung cấp dịch vụ

Kết cấu tài khoản:

Bên nợ:

- Trị giá hàng bán bị trả lại, khoản giảm giá hàng bán đã chấp nhận trên khối lượng sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã bán nội bộ kết chuyển cuối kỳ kế toán.

- Số thuế TTĐB phải nộp của số sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã bán nội bộ.

- Số thuế GTGT phải nộp theo phương pháp trực tiếp của số sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ tiêu thụ nội bộ.

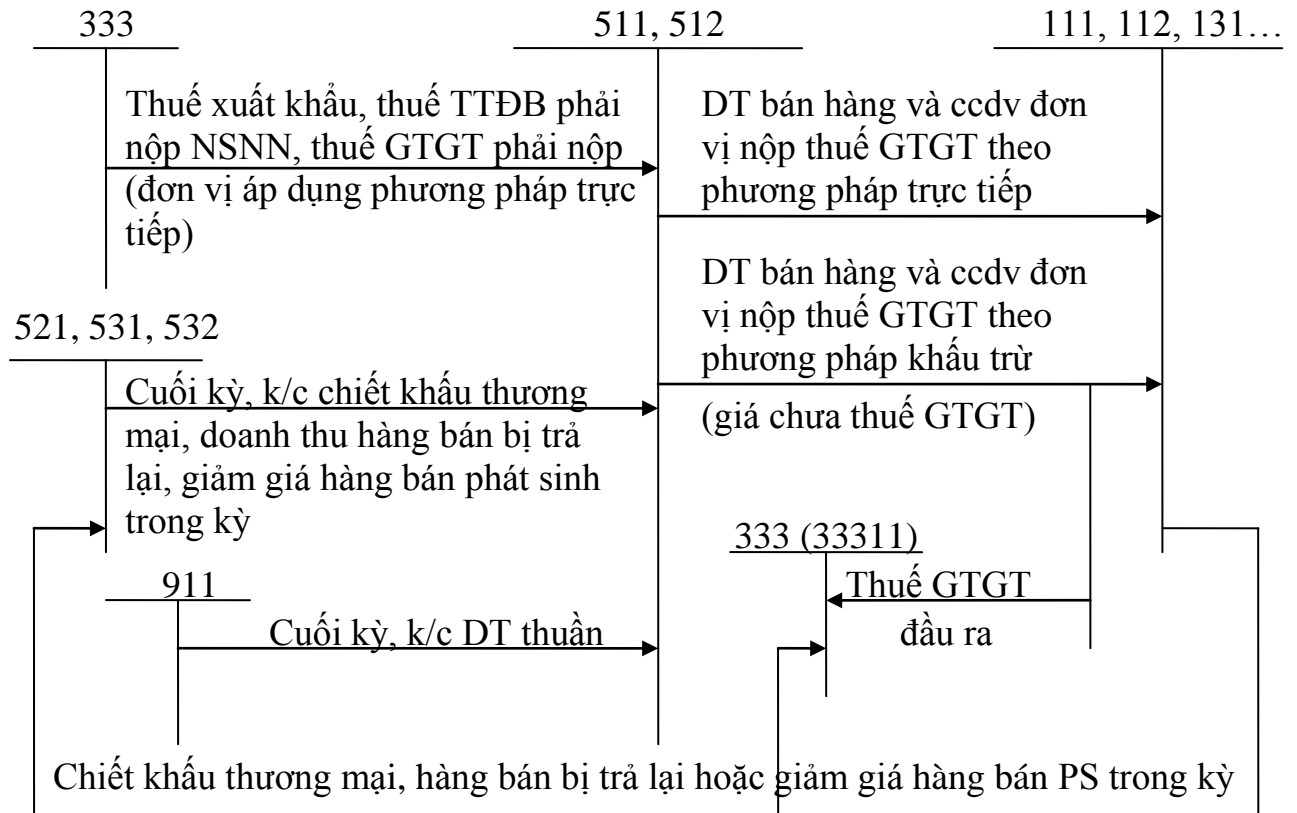
- Kết chuyển doanh thu bán hàng nội bộ của đơn vị thực hiện trong kỳ kế toán

Bên có:

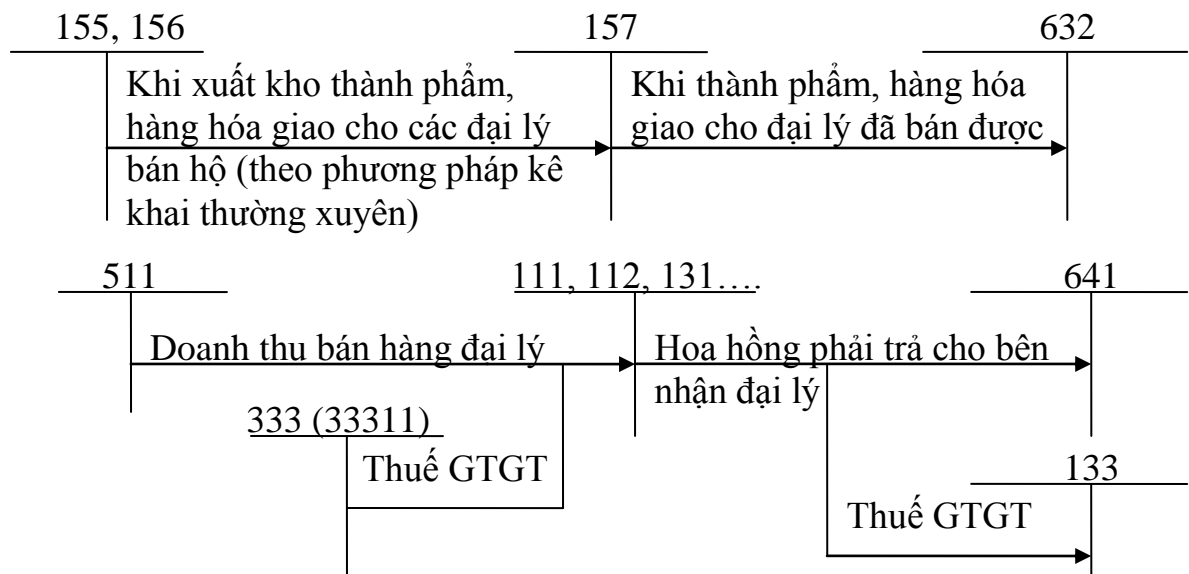
- Tổng doanh thu bán hàng nội bộ của đơn vị trực thực hiện trong kỳ kế toán

➤ *Phương pháp hạch toán*

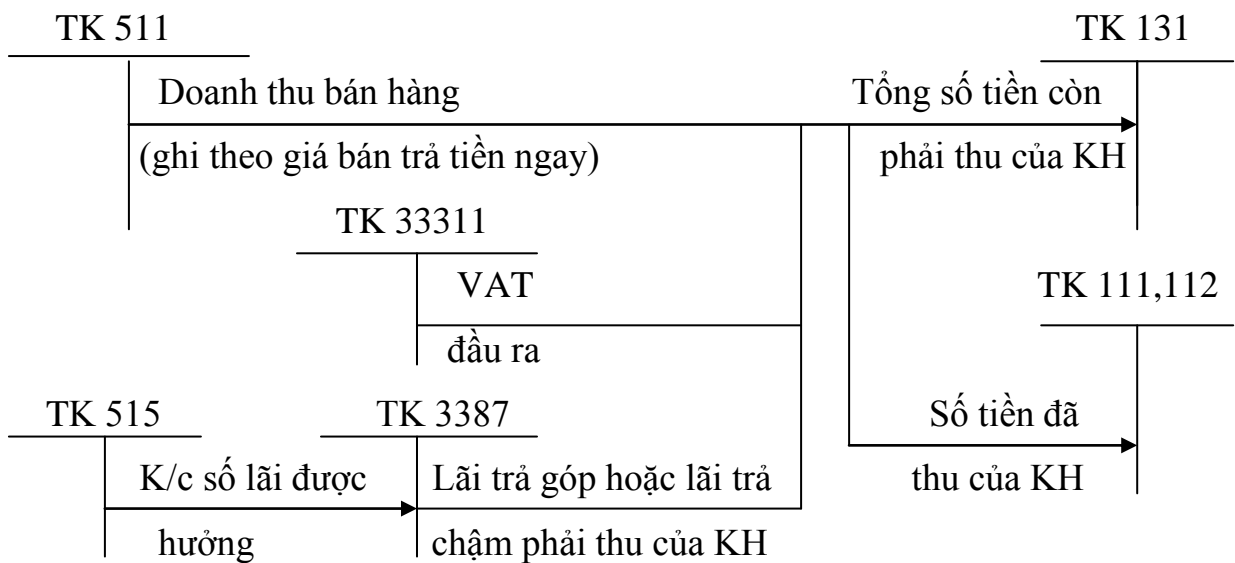
**Sơ đồ 1.1: Kế toán tổng hợp doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**



**Sơ đồ 1.2: Kế toán bán hàng thông qua đại lý (theo phương thức bán đúng giá hưởng hoa hồng).**



**Sơ đồ 1.3: Doanh thu bán hàng theo phương thức trả chậm (hoặc trả góp)**



**1.4.1.2 Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu**

Doanh thu bán hàng thuần mà doanh nghiệp thu được có thể thấp hơn doanh thu bán hàng. Doanh thu thuần là khoản chênh lệch giữa tổng doanh thu và các khoản giảm trừ doanh thu, bao gồm:

- Chiết khấu thương mại là khoản doanh nghiệp bán giảm giá niêm yết cho khách hàng mua hàng với khối lượng lớn. Khoản giảm giá có thể phát sinh trên khối lượng từng lô hàng mà khách hàng đã mua, cũng có thể phát sinh trên tổng khối lượng hàng lũy kế mà khách hàng đã mua trong một quãng thời gian nhất định tùy thuộc vào chính sách chiết khấu thương mại của bên bán.

- Giảm giá hàng bán là số tiền giảm trừ cho người mua trên giá bán đã thỏa thuận do các nguyên nhân đặc biệt thuộc về người bán như hàng kém phẩm chất, hàng không đúng quy cách, hàng xấu, hàng giao không đúng hẹn.

- Giá trị hàng bán bị trả lại là giá trị khối lượng hàng bán đã xác định là tiêu thụ nhưng bị khách hàng trả lại và từ chối thanh toán do các nguyên nhân như: vi phạm cam kết; vi phạm hợp đồng kinh tế; hàng kém phẩm chất; không đúng chủng loại, quy cách. Khi doanh nghiệp ghi nhận trị giá hàng bán bị trả lại cần đồng thời ghi giảm tương ứng trị giá vốn hàng bán trong kỳ.

- Thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế xuất khẩu, thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp là các khoản thuế được xác định trực tiếp trên doanh thu bán hàng theo

quy định hiện hành của luật thuế tùy thuộc vào từng mặt hàng khác nhau. Thuế tiêu thụ đặc biệt (trường hợp được coi là một trong những khoản giảm trừ doanh thu) phát sinh khi doanh nghiệp cung cấp các loại sản phẩm do doanh nghiệp sản xuất (hoặc các loại dịch vụ) thuộc đối tượng chịu thuế tiêu thụ đặc biệt cho khách hàng. Khi đó doanh thu bán hàng được ghi nhận trong kỳ theo giá bán trả ngay đã bao gồm thuế tiêu thụ đặc biệt (chưa bao gồm thuế GTGT). Doanh nghiệp phải xác định phần thuế tiêu thụ đặc biệt phải nộp vào ngân sách Nhà nước căn cứ vào doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ phát sinh trong kỳ.

➤ *Tài khoản sử dụng*

✓ *Tài khoản 521 “ Chiết khấu thương mại”* dùng để phản ánh khoản chiết khấu thương mại mà doanh nghiệp đã giảm trừ, hoặc đã thanh toán cho người mua hàng do việc người mua hàng đã mua hàng với khối lượng lớn và theo thỏa thuận bên bán sẽ dành cho bên mua một khoản chiết khấu thương mại (Đã ghi trên hợp đồng kinh tế mua bán hoặc các cam kết mua bán hàng hoá). Tài khoản 521 không có số dư cuối kỳ.

Kết cấu tài khoản:

Bên nợ:

- Số chiết khấu thương mại đã chấp nhận thanh toán cho khách hàng.

Bên có:

- Cuối kỳ kế toán kết chuyển toàn bộ số chiết khấu thương mại sang TK 511 “Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ” để xác định doanh thu thuần của kỳ báo cáo.

✓ *Tài khoản 531 “ Hàng bán bị trả lại”* dùng để phản ánh giá trị số sản phẩm, hàng hoá bị khách hàng trả lại (tính theo đúng đơn giá ghi trên hoá đơn). Các chi phí khác phát sinh liên quan đến việc hàng bán bị trả lại mà doanh nghiệp phải chi được phản ánh vào tài khoản 641 “ Chi phí bán hàng”. Tài khoản 531 không có số dư cuối kỳ.

Kết cấu tài khoản:

Bên nợ:

- Doanh thu của hàng bán bị trả lại, đã trả tiền cho người mua hoặc trừ vào các khoản phải thu khách hàng về số sản phẩm, hàng hoá đã bán.

Bên có:

- Kết chuyển doanh thu của hàng bán bị trả lại vào bên nợ TK 511 “Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ” hoặc TK 512 “Doanh thu bán hàng nội bộ” để xác định doanh thu thuần trong kỳ báo cáo.

✓ Tài khoản 532 “Giảm giá hàng bán” dùng để phản ánh khoản giảm giá hàng bán thực tế phát sinh và việc xử lý khoản giảm giá hàng bán trong kỳ kế toán. Tài khoản này không có số dư cuối kỳ.

Kết cấu tài khoản:

Bên nợ:

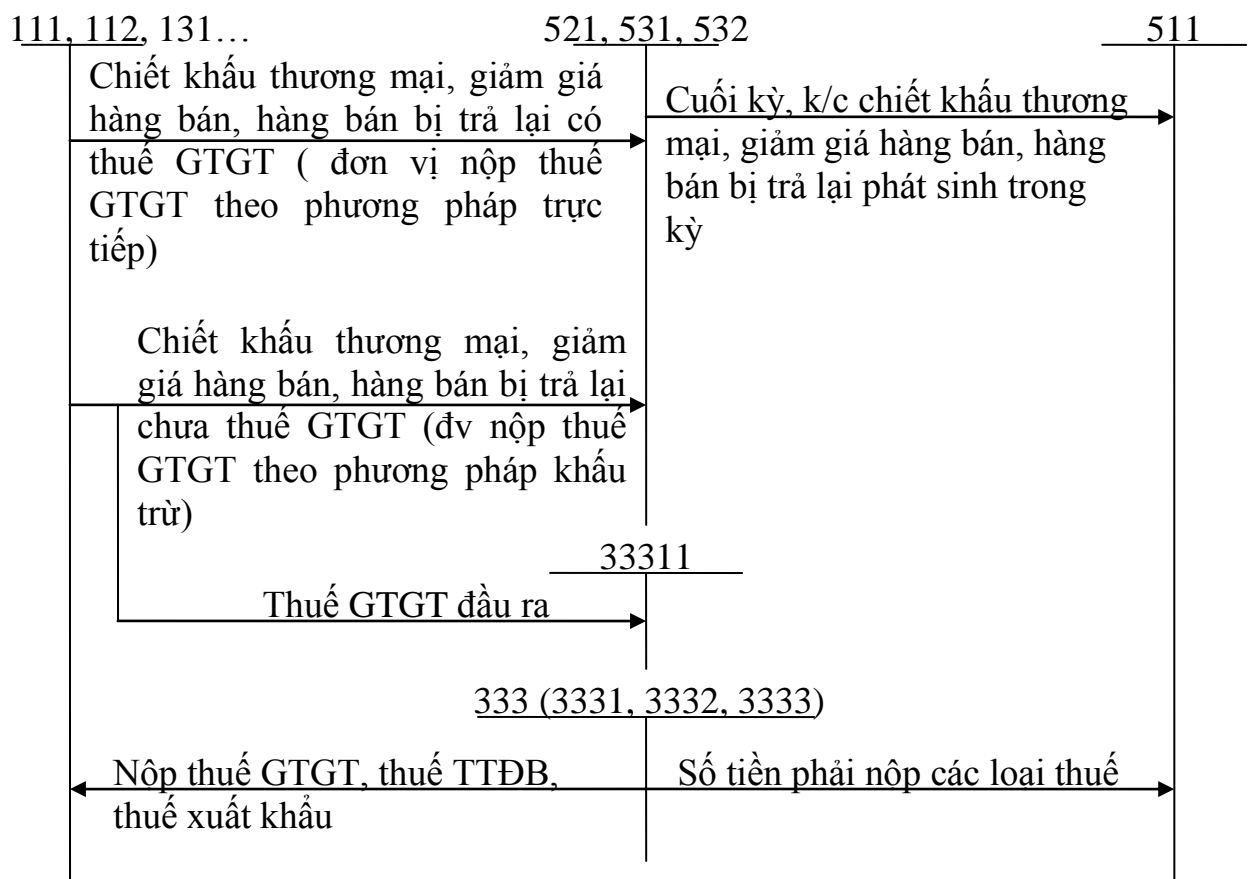
- Các khoản giảm giá hàng bán đã chấp thuận cho người mua hàng do hàng bán kém, mất phẩm chất hoặc sai qui cách theo quy định trong hợp đồng kinh tế.

Bên có:

- Kết chuyển toàn bộ số tiền giảm giá hàng bán sang TK 511 “Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ” hoặc TK 512 “Doanh thu bán hàng nội bộ”.

➤ Phương pháp hạch toán

**Sơ đồ 1.4: Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu**



**1.4.1.3 Kế toán giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán là giá trị thực tế xuất kho của số sản phẩm, hàng hoá (hoặc gồm cả chi phí mua hàng phân bổ cho hàng hoá đã bán ra trong kỳ đối với doanh nghiệp thương mại), hoặc là giá thành thực tế lao vụ, dịch vụ hoàn thành và đã được xác định là tiêu thụ và các khoản chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh được tính vào giá vốn hàng bán để xác định kết quả kinh doanh trong kỳ.

➤ *Phương pháp xác định giá vốn hàng bán*

Trị giá vốn hàng bán được sử dụng để xác định kết quả kinh doanh là toàn bộ chi phí kinh doanh liên quan đến quá trình bán hàng.

Đối với doanh nghiệp sản xuất, trị giá vốn thành phẩm xuất kho để bán hoặc thành phẩm hình thành không nhập kho đưa đi bán ngay chính là giá thành sản phẩm thực tế của sản phẩm hoàn thành.

Đối với doanh nghiệp thương mại, trị giá vốn hàng xuất kho để bán bao gồm: trị giá mua thực tế và chi phí mua hàng phân bổ cho số hàng đã bán.

Theo chuẩn mực 02 - Hàng tồn kho ban hành và công bố theo QĐ số 149/2001/QĐ - BTC ngày 31/12/2001. Việc tính trị giá mua thực tế của hàng xuất kho để bán được tính theo một trong bốn phương pháp sau:

\* Phương pháp tính theo giá đích danh

Doanh nghiệp quản lý phải theo dõi vật liệu, công cụ dụng cụ, hàng hóa nhập theo từng lô hàng, từng mặt hàng một cách chi tiết. Khi xuất kho thì kế toán căn cứ vào đơn giá thực tế nhập và số lượng nhập của hàng hóa đó để tính giá thực tế xuất kho.

\* Phương pháp bình quân gia quyền

Trị giá vốn thực tế của hàng xuất kho được căn cứ vào số lượng vật tư xuất kho và đơn giá bình quân gia quyền, theo công thức:

+ Đơn giá bình quân gia quyền cả kỳ

$$\text{Giá thực tế xuất kho} = \text{Số lượng xuất kho} * \text{Đơn giá thực tế bình quân}$$

$$\begin{array}{l} \text{Đơn giá} \\ \text{bình quân} \\ \text{cả kỳ} \end{array} = \frac{\text{Giá trị hàng tồn đầu kỳ} + \text{Giá trị hàng thực tế nhập trong kỳ}}{\text{Số lượng tồn đầu kỳ} + \text{Số lượng nhập trong kỳ}}$$

+ Đơn giá bình quân gia quyền sau mỗi lần nhập (Bình quân gia quyền liên hoàn)

$$\frac{\text{Đơn giá bình quân liên hoàn}}{\text{Đơn giá bình quân liên hoàn}} = \frac{\text{Giá trị hàng hóa tồn kho sau lần nhập } i}{\text{Số lượng hàng hóa thực tế sau lần nhập } i}$$

\* Phương pháp nhập trước - xuất trước

Theo phương pháp này kế toán xác định đơn giá thực tế nhập kho của từng lần nhập và giả thiết rằng hàng nào nhập trước thì xuất trước. Như vậy đơn giá xuất kho là đơn giá của mặt hàng nhập trước và giá tồn cuối kỳ là đơn giá của những lần nhập sau cùng.

\* Phương pháp nhập sau - xuất trước

Theo phương pháp này kế toán theo dõi đơn giá của từng lần nhập và giả thiết hàng nào nhập sau sẽ xuất trước. Căn cứ vào số lượng xuất kho, kế toán tính giá xuất kho theo nguyên tắc trước hết lấy đơn giá của lần nhập sau cùng, số lượng còn lại tính theo đơn giá của những lần nhập trước đó. Như vậy giá thực tế tồn cuối kỳ là giá của những lần nhập đầu tiên.

➤ *Chứng từ sử dụng*

- Phiếu xuất kho
- Bảng chi phí giá thành thực tế
- Hóa đơn GTGT...

➤ *Tài khoản sử dụng*

✓ *Tài khoản 632 “ Giá vốn hàng bán”* dùng để phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ, bất động sản đầu tư, giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp (đối với doanh nghiệp xây lắp) bán ra trong kỳ. Ngoài ra, tài khoản này còn dùng để phản ánh các chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh như: chi phí khấu hao, chi phí sửa chữa, chi phí nhượng bán, thanh lý BĐS đầu tư....

Tài khoản này không có số dư cuối kỳ.

Kết cấu tài khoản:

Bên nợ:

Đối với hoạt động sản xuất kinh doanh phản ánh

+ Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã bán trong kỳ.



+ Chi phí nguyên vật liệu, chi phí nhân công vượt mức trên bình thường và chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ được tính vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

**Bên có:**

- Kết chuyển giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã bán trong kỳ sang TK 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.

- Khoản hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cuối năm tài chính.

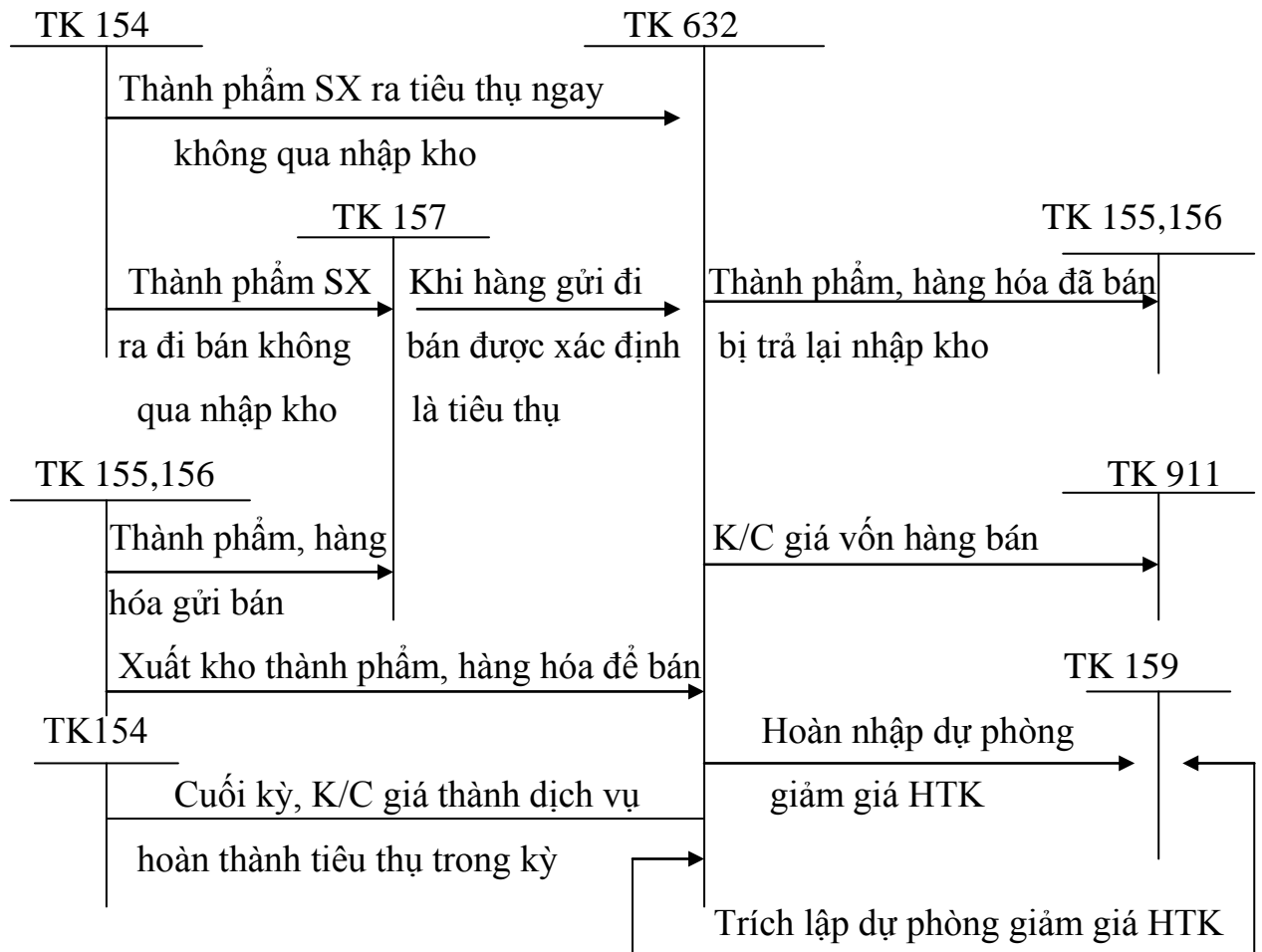
- Trị giá hàng bán bị trả lại nhập kho.

➤ *Phương pháp hạch toán giá vốn hàng bán*

\* Hạch toán giá vốn hàng bán theo phương pháp kê khai thường xuyên (KCTX)

Phương pháp KCTX là phương pháp kế toán tổ chức ghi chép một cách thường xuyên, liên tục các nghiệp vụ nhập kho, xuất kho và tồn kho của hàng hóa trên từng tài khoản kế toán theo từng chứng từ nhập – xuất. Việc xác định trị giá vốn thực tế xuất kho được căn cứ tiếp vào các chứng từ xuất kho và thông qua một trong bốn phương pháp tính trị giá vốn của hàng xuất kho đã được trình bày ở phần trên. Trị giá vốn của hàng hóa tồn kho trên tài khoản, sổ kế toán được xác định ở bất kỳ thời điểm nào trong kỳ kế toán.

**Sơ đồ 1.5a: Kế toán giá vốn hàng bán theo phương pháp KCTX**

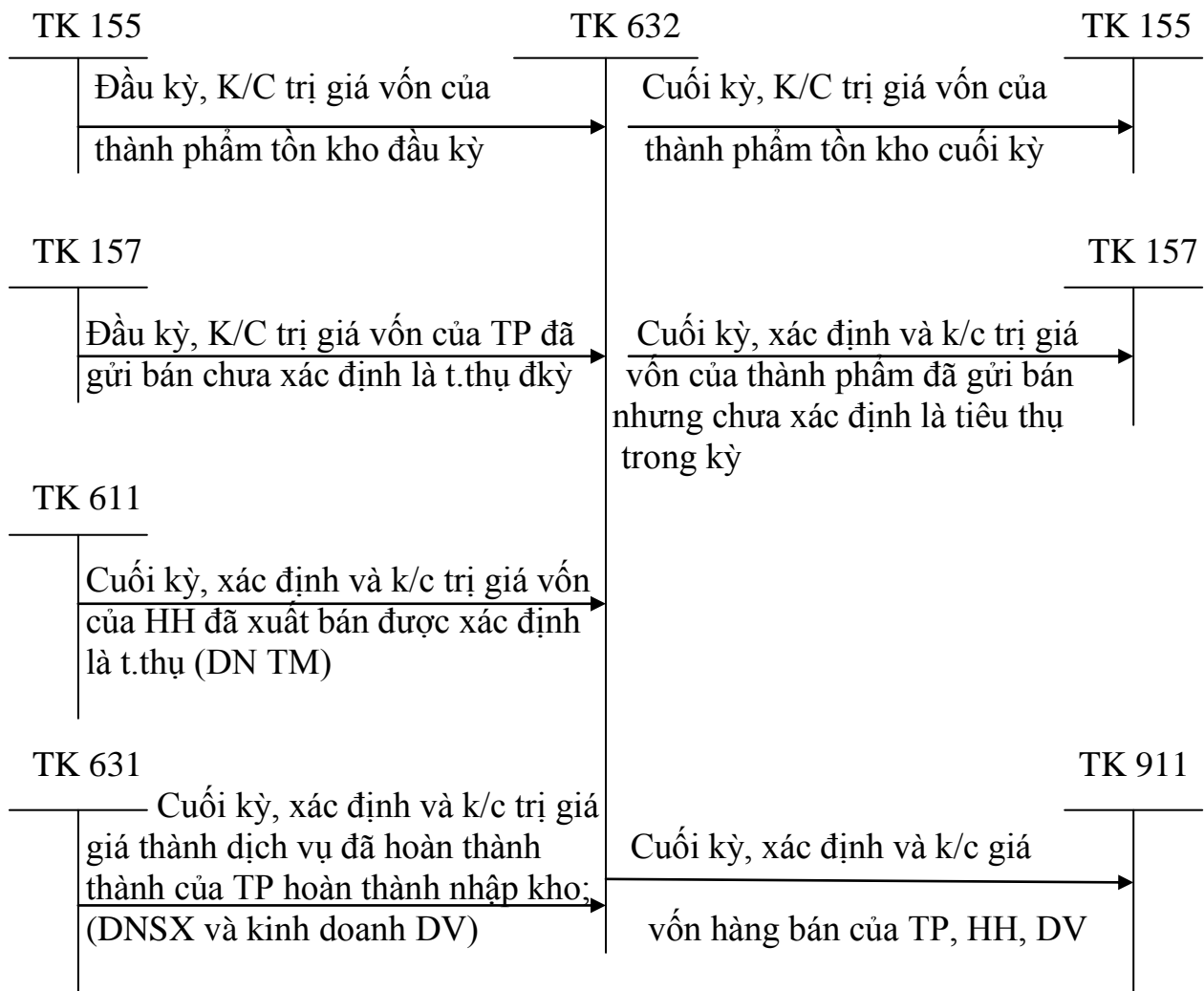


\* Hạch toán giá vốn hàng bán theo phương pháp kiểm kê định kỳ (KKĐK)

Phương pháp kiểm kê định kỳ là phương pháp kế toán không tổ chức ghi chép một cách thường xuyên, liên tục các nghiệp vụ nhập kho, xuất kho, và tồn kho của hàng hóa trên các tài khoản hàng tồn kho. Các TK này chỉ phản ánh trị giá vốn của hàng hóa đầu kỳ và cuối kỳ.

Khác với phương pháp KCTX, phương pháp KKĐK sử dụng thêm TK 611 và các nghiệp vụ chỉ thực hiện vào đầu và cuối các chu kỳ kế toán. Các nghiệp vụ hạch toán giá vốn hàng bán theo phương pháp kiểm kê định kỳ được thể hiện qua sơ đồ sau:

**Sơ đồ 1.5b: Kế toán giá vốn hàng bán theo phương pháp KKĐK**



**1.4.1.4 Kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp**

- Chi phí bán hàng là toàn bộ các chi phí có liên quan đến việc tiêu thụ sản phẩm, hàng hoá của doanh nghiệp, bao gồm: Chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển; chi phí chào hàng, giới thiệu, quảng cáo; chi phí hoa hồng đại lý, chi phí bảo hành sản phẩm; chi phí nhân viên bán hàng; chi phí dụng cụ, đồ dùng, khấu hao TSCĐ phục vụ bán hàng; chi phí dịch vụ mua ngoài và chi phí bằng tiền khác.

Về mặt bản chất đó là những chi phí phục vụ gián tiếp cho hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, nó đảm bảo cho quá trình kinh doanh được diễn ra bình thường.

Về nguyên tắc, chi phí bán hàng là chi phí thời kỳ, phải được phân bổ hết cho từng loại sản phẩm, hàng hóa bán ra trong kỳ. Vì vậy chi phí bán hàng thực tế phát sinh trong kỳ cần được phân loại và tổng hợp theo đúng nội dung quy định.

Cuối kỳ kế toán chi phí bán hàng cần được phân bổ, kết chuyển để xác định kết quả kinh doanh. Việc tính toán phân bổ và kết chuyển chi phí bán hàng được vận dụng tùy theo từng loại hình và điều kiện kinh doanh của doanh nghiệp.

- Chi phí quản lý doanh nghiệp là các chi phí có liên quan tới toàn bộ hoạt động quản lý điều hành chung của doanh nghiệp, bao gồm: các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp, BHXH, BHYT, KPCĐ của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ phục vụ quản lý văn phòng; tiền thuê đất, thuê môn bài, khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài và chi phí bằng tiền khác.

➤ *Chứng từ sử dụng*

- Bảng phân bổ tiền lương và bảo hiểm xã hội
- Bảng tính và phân bổ khấu hao TSCĐ
- Hoá đơn GTGT
- Phiếu chi ...

➤ *Tài khoản sử dụng*

✓ *Tài khoản 641 “ Chi phí bán hàng”* dùng để phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình tiêu thụ sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ của doanh nghiệp.

Tài khoản này không có số dư cuối kỳ.

Tài khoản này có 7 tài khoản cấp 2:

- TK 6411: Chi phí nhân viên.
- TK 6412: Chi phí vật liệu, bao bì.
- TK 6413: Chi phí dụng cụ, đồ dùng.
- TK 6414: Chi phí khấu hao tài sản cố định.
- TK 6415: Chi phí bảo hành.
- TK 6417: Chi phí dịch vụ mua ngoài.
- TK 6418: Chi phí khác bằng tiền.

Kết cấu tài khoản:

Bên nợ:

- Chi phí phát sinh liên quan đến quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ

Bên có:

- Kết chuyển chi phí bán hàng vào TK 911 “Xác định kết quả kinh doanh” để tính vào kết quả kinh doanh trong kỳ.

✓ *Tài khoản 642 “ Chi phí quản lý doanh nghiệp”* dùng để phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp phát sinh trong một kỳ hạch toán. Tài khoản này không có số dư cuối kỳ và có 8 tài khoản cấp 2 như sau:

- TK 6421: Chi phí nhân viên quản lý.
- TK 6422: Chi phí vật liệu quản lý.
- TK 6423: Chi phí đồ dùng văn phòng.
- TK 6424: Chi phí khấu hao TSCĐ.
- TK 6425: Thuế, phí và lệ phí.
- TK 6426: Chi phí dự phòng.
- TK 6427: Chi phí dịch vụ mua ngoài.
- TK 6428: Chi phí khác bằng tiền.

Kết cấu tài khoản:

Bên nợ:

- Các chi phí quản lý phát sinh trong kỳ.
- Số dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả (chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này lớn hơn số dự phòng đã lập kỳ trước chưa sử dụng hết).
- Dự phòng trợ cấp mất việc làm.

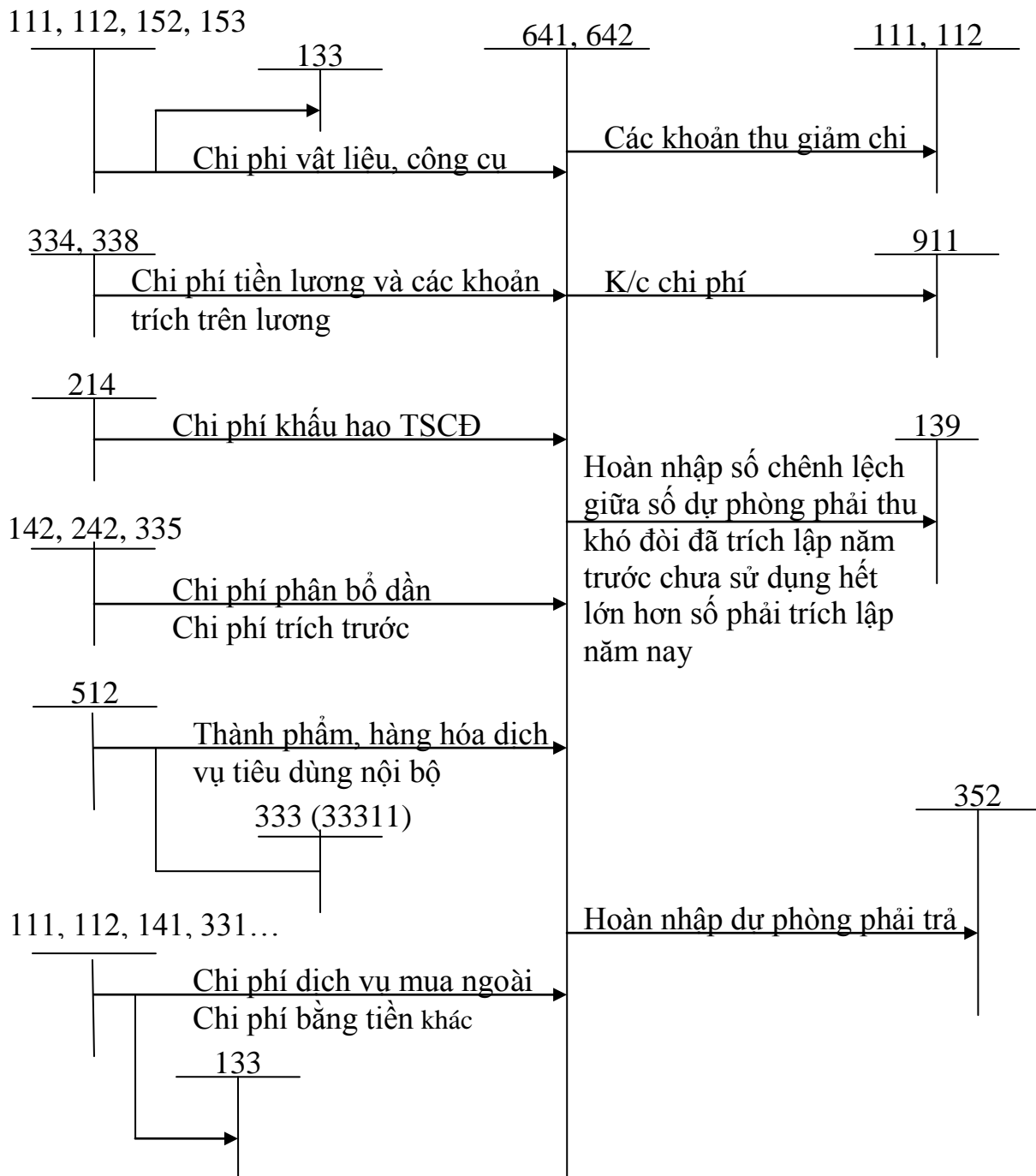
Bên có:

- Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả (chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này nhỏ hơn số dự phòng đã lập kỳ trước chưa sử dụng hết).

- Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp vào TK 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.

Chi phí quản lý doanh nghiệp tùy theo đặc điểm hạch toán kế toán của từng doanh nghiệp mà sẽ được phân bổ cho hàng bán ra theo một tỷ lệ nhất định để tập hợp nên giá thành toàn bộ của sản phẩm, thông thường người ta sử dụng các tiêu thức phân bổ như: phân bổ theo từng doanh số, phân bổ theo tiền lương.

**Sơ đồ 1.6: Kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp**



## **1.4.2 Kế toán doanh thu, chi phí hoạt động tài chính**

### **1.4.2.1 Kế toán doanh thu hoạt động tài chính**

Doanh thu về các hoạt động tài chính bao gồm những khoản thu do hoạt động đầu tư tài chính hoặc kinh doanh về vốn mang lại như: tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia, khoản lãi về chênh lệch tỷ giá hối đoái và doanh thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp.

➤ *Chứng từ sử dụng*

- Giấy báo có hoặc giấy báo lãi của ngân hàng
- Phiếu thu
- Sổ cái TK 515

➤ *Tài khoản sử dụng*

*Tài khoản 515 “Doanh thu hoạt động tài chính”* dùng để phản ánh tiền lãi, tiền bản quyền, tiền cổ tức, lợi nhuận được chia và doanh thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp.

Tài khoản này không có số dư cuối kỳ.

Kết cấu tài khoản:

Bên nợ:

- Số thuế GTGT phải nộp tính theo phương pháp trực tiếp (nếu có).
- Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính thuần sang TK 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.

Bên có:

- Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia.
- Lãi do nhượng bán các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết.
- Chiết khấu thanh toán được hưởng.
- Lãi tỉ giá hối đoái phát sinh khi bán ngoại tệ.
- Lãi tỉ giá hối đoái do đánh giá lại cuối năm tài chính các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ của hoạt động kinh doanh.
- Kết chuyển hoặc phân bổ lãi tỉ giá hối đoái của hoạt động đầu tư XDCB (giai đoạn trước hoạt động) đã hoàn thành đầu tư vào hoạt động doanh thu tài chính.
- Doanh thu hoạt động tài chính khác phát sinh trong kỳ.

### 1.4.2.2 Kế toán chi phí hoạt động tài chính

Chi phí hoạt động tài chính là tài khoản gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay, đi vay, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, lỗ do chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán....

➤ *Chứng từ sử dụng*

- Hợp đồng vay vốn
- Phiếu chi
- Sổ cái TK 635

➤ *Tài khoản sử dụng*

Tài khoản 635 “ Chi phí hoạt động tài chính ” dùng để phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính. Tài khoản 635 không có số dư cuối kỳ.

Kết cấu tài khoản:

Bên nợ:

- Chi phí tiền lãi vay, lãi mua hàng trả chậm, lãi thuê tài sản thuê tài chính.
- Lỗ bán ngoại tệ.
- Chiết khấu thanh toán cho người mua.
- Các khoản lỗ do thanh lý, nhượng bán các khoản đầu tư.
- Lỗ tỉ giá hối đoái phát sinh trong kì của hoạt động kinh doanh (Lỗ tỉ giá hối đoái đã thực hiện).
- Lỗ tỉ giá hối đoái do đánh giá lại cuối năm tài chính các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ của hoạt động kinh doanh (Lỗ tỉ giá hối đoái chưa thực hiện).
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán (Chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay lớn hơn số dự phòng đã trích lập năm trước chưa sử dụng hết).
- Kết chuyển hoặc phân bổ chênh lệch tỉ giá hối đoái của hoạt động đầu tư XDCB (Lỗ tỉ giá - giai đoạn trước hoạt động) đã hoàn thành đầu tư vào chi phí tài chính.
- Các khoản chi phí của hoạt động đầu tư tài chính khác.

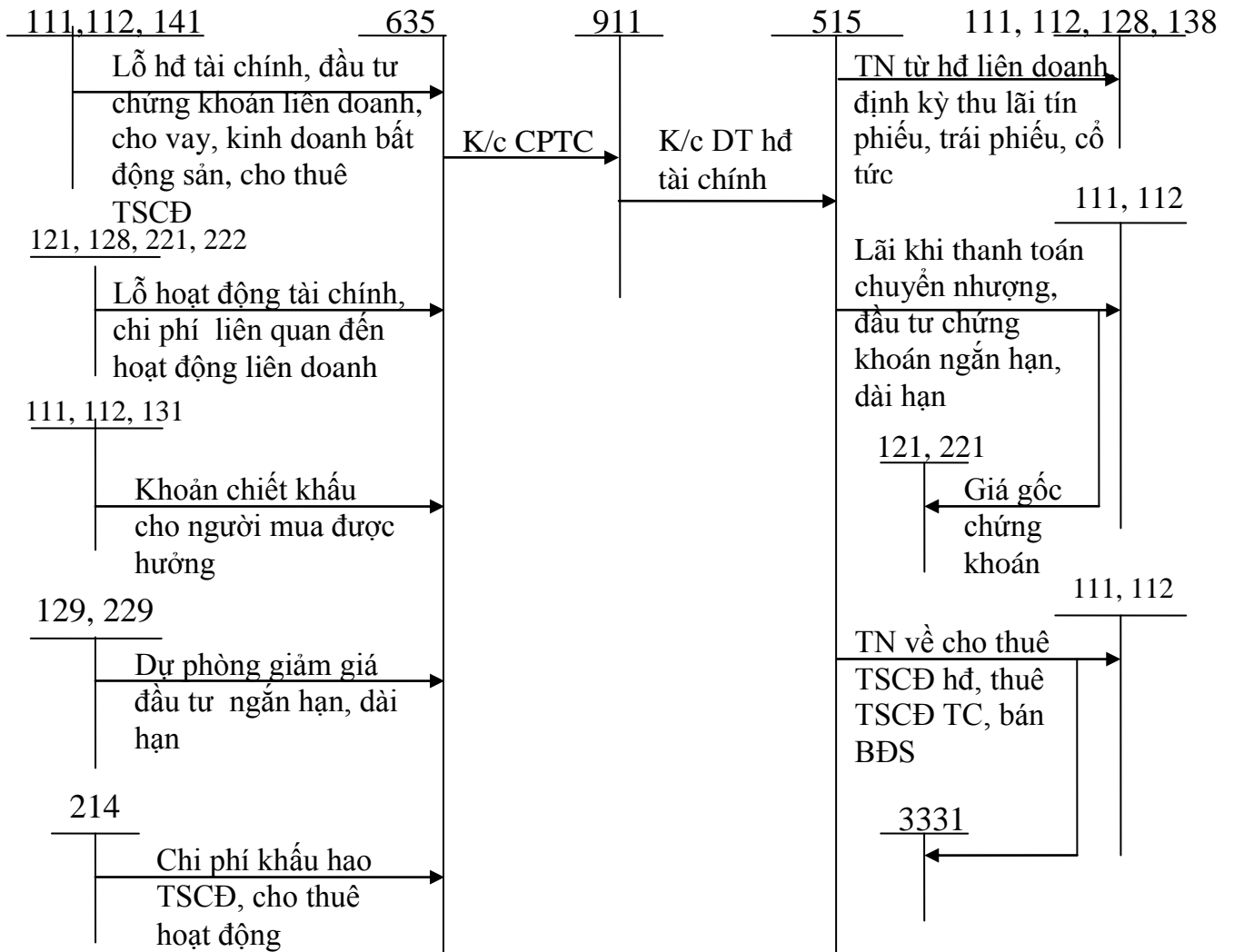
Bên Có:

- Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán (Chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kì này nhỏ hơn số dự phòng đã trích lập năm trước chưa sử dụng hết).
- Cuối kì kế toán, kết chuyển toàn bộ chi phí tài chính phát sinh trong kì để xác định kết quả hoạt động kinh doanh.

➤ *Phương pháp hạch toán doanh thu, chi phí hoạt động tài chính*



**Sơ đồ 1.7: Hạch toán DT hoạt động tài chính và chi phí hoạt động tài chính**



**1.4.3 Kế toán thu nhập và chi phí khác**

- Thu nhập khác là khoản thu góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu từ các hoạt động tạo ra doanh thu của doanh nghiệp.

- Chi phí khác là khoản chi phí xảy ra không thường xuyên, riêng biệt với hoạt động thông thường của doanh nghiệp.

- Chi phí thuế TNDN là chi phí thuế thu nhập của doanh nghiệp.

➤ **Chứng từ sử dụng**

- Biên bản đánh giá lại TSCĐ
- Biên bản thanh lý, nhượng bán TSCĐ
- Biên bản góp vốn...

➤ *Tài khoản sử dụng*

✓ *TK 711 “Thu nhập hoạt động khác”* dùng để phản ánh các khoản thu nhập hoạt động khác, các khoản doanh thu ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp.

Tài khoản 711 không có số dư cuối kỳ

✓ *TK 811 “Chi phí khác”* phản ánh các khoản chi phí của các hoạt động ngoài các hoạt động SXKD tạo ra doanh thu của doanh nghiệp. Chi phí khác là những khoản chi phí (lỗ) do các sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động thông thường của doanh nghiệp gây ra và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.

Tài khoản 811 không có số dư cuối kỳ.

✓ *Tài khoản 821 “Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp”* dùng để phản ánh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của doanh nghiệp bao gồm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh trong năm làm căn cứ xác định kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp trong năm tài chính hiện hành.

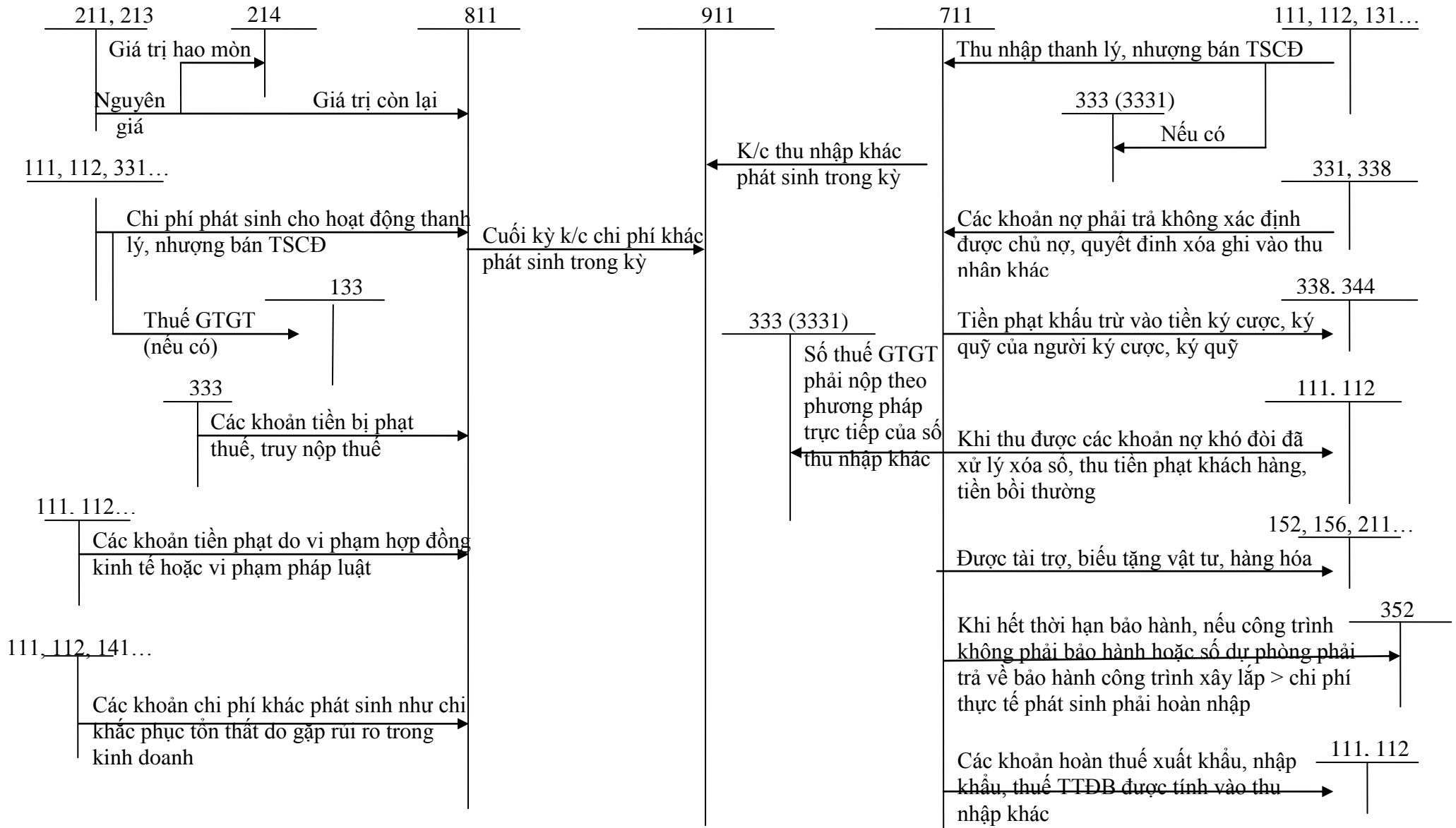
Tài khoản 821 có 2 TK cấp 2:

- TK 8211: Chi phí thuế TNDN hiện hành

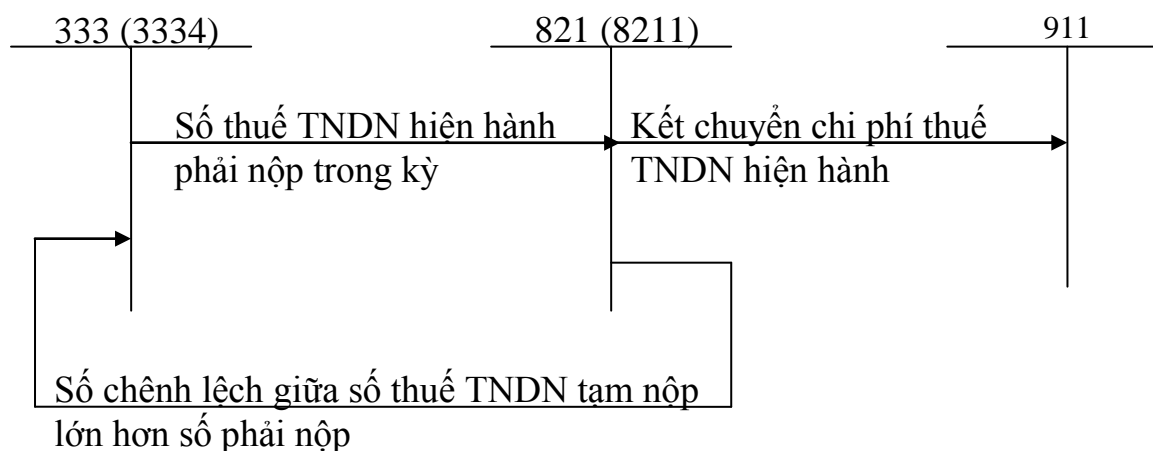
- TK 8212: Chi phí thuế TNDN hoãn lại.

➤ *Phương pháp hạch toán*

***Sơ đồ 1.8 : Hạch toán thu nhập khác, chi phí khác***



**Sơ đồ 1.9: Hạch toán chi phí thuế TNDN hiện hành**



**1.4.4 Kế toán xác định kết quả kinh doanh**

Kết quả kinh doanh của doanh nghiệp (lãi hoặc lỗ) được xác định trên cơ sở tổng hợp tất cả kết quả của mọi hoạt động sản xuất kinh doanh trong doanh nghiệp. Kết quả kinh doanh của doanh nghiệp được xác định theo từng kì kế toán. Kỳ kế toán để xác định lợi nhuận thường là một tháng, một quý hoặc một năm. Kết quả kinh doanh của doanh nghiệp được hình thành từ tổng hợp kết quả kinh doanh của hoạt động sản xuất kinh doanh chính, hoạt động tài chính và hoạt động khác.

➤ *Tài khoản sử dụng*

Tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh” dùng để xác định kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp trong một kỳ hoạch toán. Kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh và lợi nhuận khác. Tài khoản 911 không có số dư cuối kỳ.

Kết cấu tài khoản:

Bên Nợ:

- Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hoá, bất động sản đầu tư và dịch vụ đã bán.
- Chi phí hoạt động tài chính, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp và chi phí khác.
- Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp.
- Kết chuyển lãi.

Bên Có:

- Doanh thu thuần về số sản phẩm, hàng hoá, bất động sản đầu tư và dịch vụ đã bán trong kỳ.

- Doanh thu hoạt động tài chính, các khoản thu nhập khác và khoản ghi giảm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.

- Kết chuyển lỗ.

Hạch toán tài khoản này cần tôn trọng một số quy định sau:

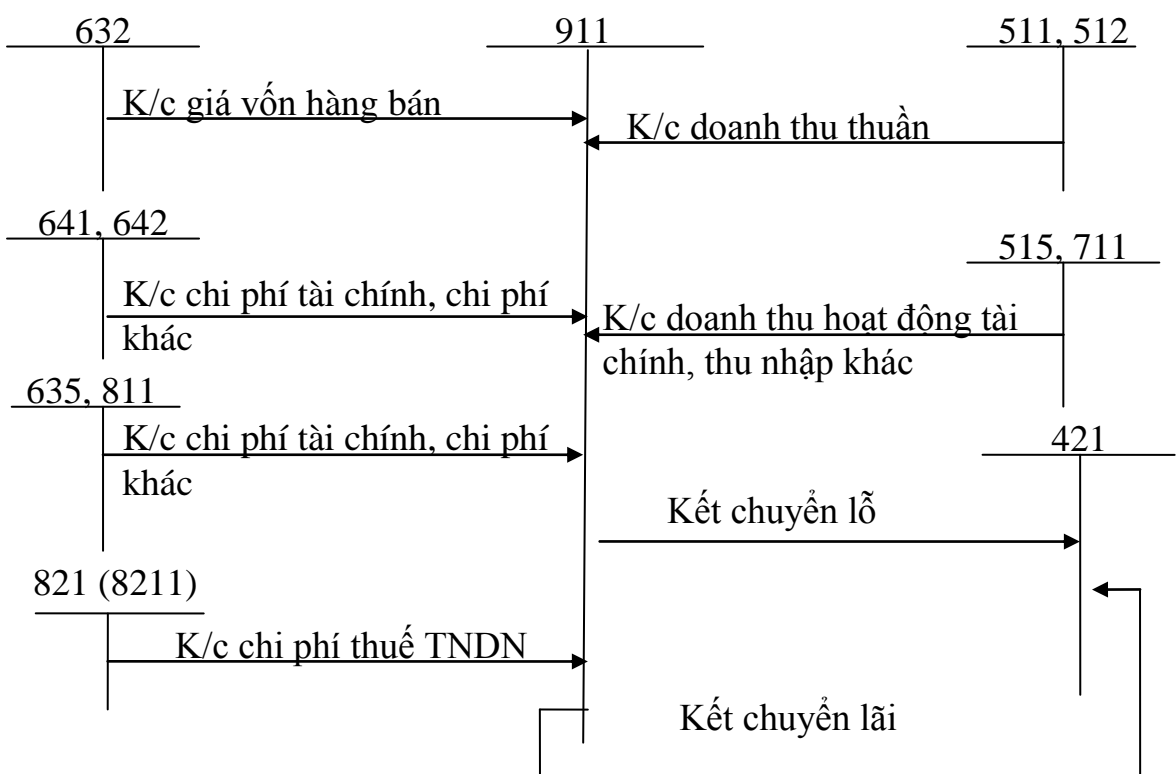
- Tài khoản này phải phản ánh đầy đủ, chính xác các khoản kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán theo đúng quy định của chính sách tài chính hiện hành

- Kết quả hoạt động kinh doanh phải được hạch toán chi tiết theo từng loại hoạt động (Hoạt động thương mại, dịch vụ, hoạt động tài chính...). Trong từng loại hoạt động kinh doanh có thể cần hạch toán chi tiết cho từng loại sản phẩm, từng ngành hàng, từng loại dịch vụ.

- Các khoản doanh thu và thu nhập được kết chuyển vào tài khoản này là số doanh thu và thu nhập thuần.

➤ *Phương pháp hạch toán*

**Sơ đồ 1.10: Kế toán tổng hợp xác định kết quả kinh doanh**



### 1.5 Tổ chức hệ thống sổ sách kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh

Các doanh nghiệp sản xuất có thể áp dụng một trong bốn hình thức sổ kế toán sau:

- Hình thức Nhật ký chung
- Hình thức Chứng từ ghi sổ
- Hình thức Nhật ký- Sổ cái
- Hình thức Nhật ký chứng từ

#### 1.5.1 Hình thức kế toán Nhật ký chung

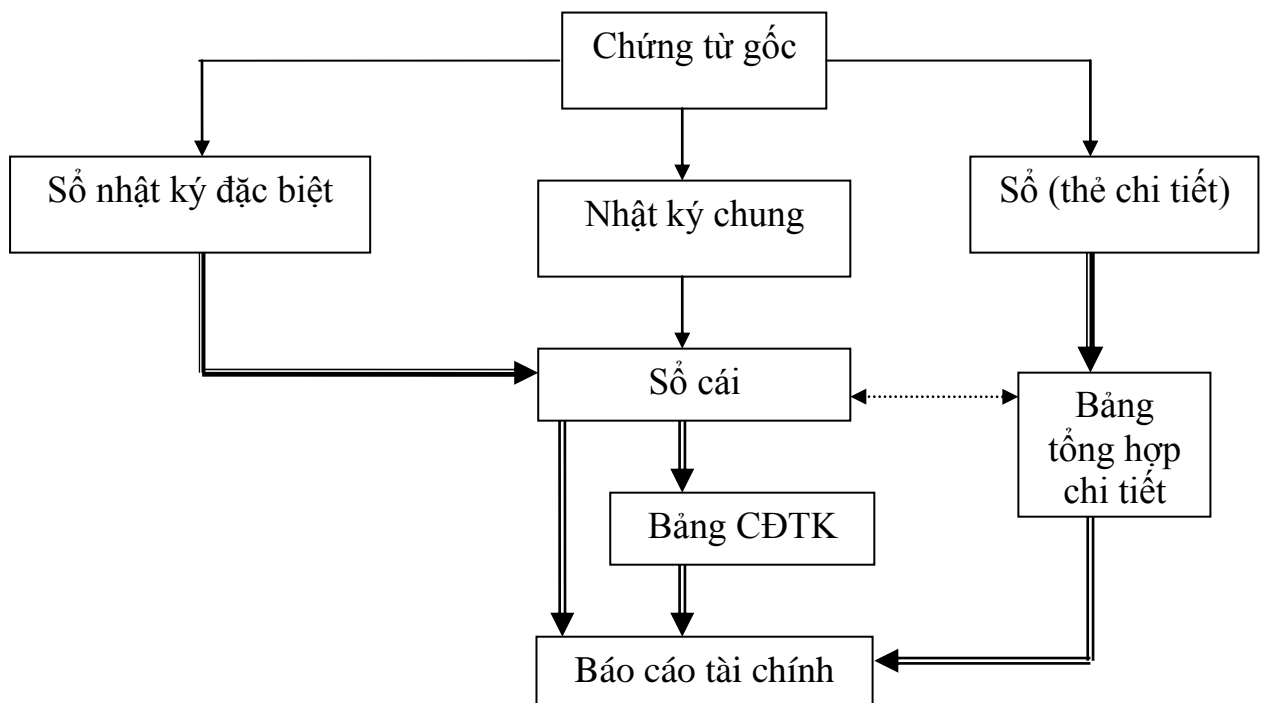
➤ *Đặc trưng cơ bản:*

Đặc trưng cơ bản của hình thức Nhật ký chung là tất cả các nghiệp vụ kinh tế phát sinh đều phải được ghi vào sổ Nhật ký chung theo thời gian phát sinh nghiệp vụ. Lấy số liệu trên sổ Nhật ký để ghi vào Sổ cái. Các loại sổ kế toán chủ yếu:

- Sổ Nhật ký chung.
- Sổ cái.
- Các sổ, thẻ kế toán chi tiết.

➤ *Trình tự ghi sổ*

**Sơ đồ 1.11: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Nhật ký chung**

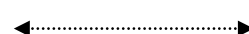
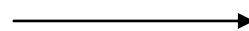


Ghi chú:

Ghi hàng ngày (định kỳ)

Ghi vào cuối tháng (hoặc định kỳ)

Đối chiếu, kiểm tra



### 1.5.2 Hình thức kế toán Nhật ký sổ cái

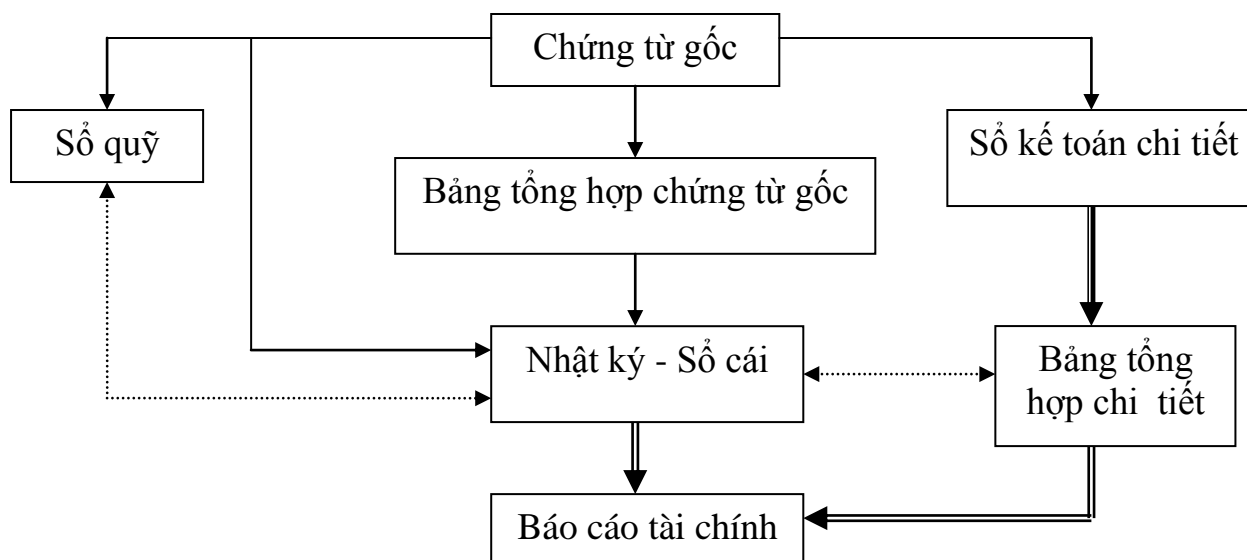
➤ *Đặc trưng cơ bản*

Nhật ký sổ cái là hình thức kế toán trực tiếp giản đơn với đặc trưng cơ bản là các nghiệp vụ kinh tế phát sinh được kết hợp ghi chép theo trình tự thời gian và theo đối tượng trên cùng một quyển sổ kế toán tổng hợp duy nhất là sổ Nhật ký - Sổ cái. Hình thức này bao gồm các loại sổ:

- Nhật ký - Sổ cái
- Các sổ, thẻ chi tiết

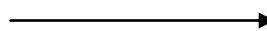
➤ *Trình tự ghi sổ*

**Sơ đồ 1.12: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Nhật ký - Sổ cái**



Ghi chú:

Ghi hàng ngày



Ghi cuối kỳ hạch toán



Đối chiếu, kiểm tra



### 1.5.3 Hình thức kế toán Nhật ký chứng từ

➤ *Đặc trưng cơ bản*

- Tập hợp và hệ thống hóa các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo bên Có của các tài khoản kết hợp với việc phân tích các nghiệp vụ kinh tế đó theo các tài khoản đối ứng Nợ

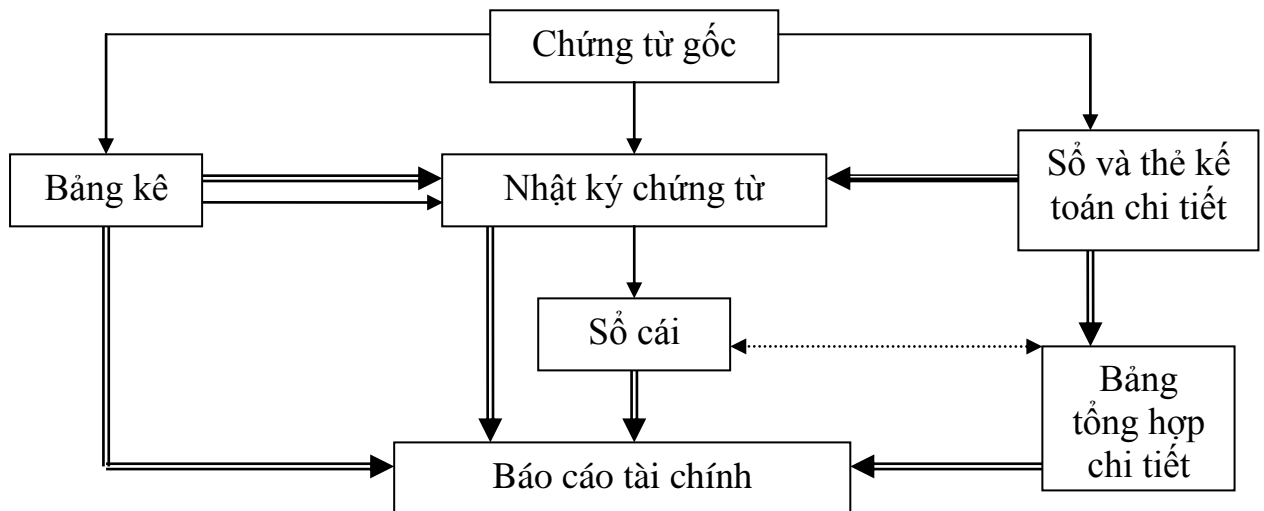
- Kết hợp chặt chẽ việc ghi chép các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo trình tự thời gian với việc hệ thống hóa các nghiệp vụ theo nội dung kinh tế.

- Kết hợp rộng rãi việc hạch toán tổng hợp với việc hạch toán chi tiết trên cùng một sổ kế toán và trong cùng một quá trình ghi chép.

- Sử dụng các mẫu sổ ghi sẵn các quan hệ đối ứng tài khoản, chỉ tiêu quản lý kinh tế, tài chính và lập báo cáo tài chính.

➤ *Trình tự ghi sổ*

**Sơ đồ 1.13: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Nhật ký chứng từ**



Ghi chú:

Ghi hàng ngày —————→

Ghi cuối kỳ hạch toán —————→

Đối chiếu, kiểm tra - - - - -→

**1.5.4 Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ**

➤ *Đặc trưng cơ bản*

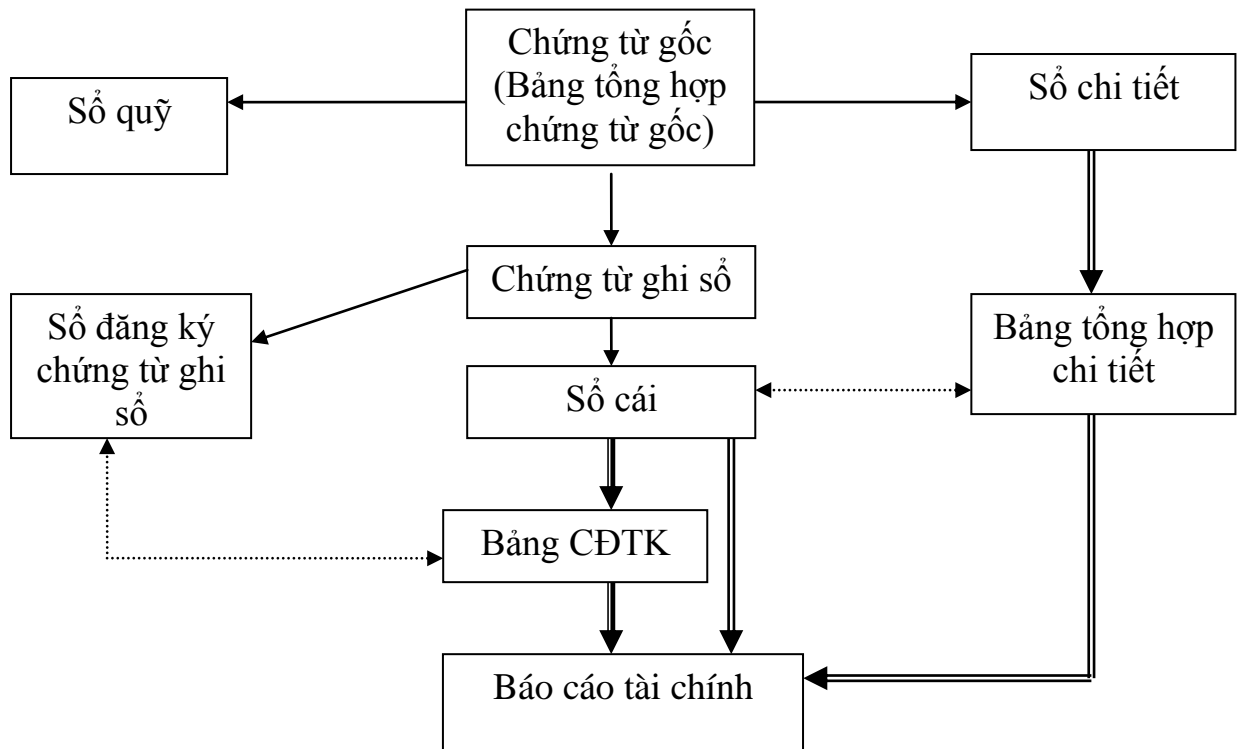
Đặc trưng cơ bản của hình thức Chứng từ ghi sổ là tất cả các nghiệp vụ kinh tế phát sinh đều được ghi sổ vào Chứng từ ghi sổ theo thứ tự thời gian và định khoản kế toán của nghiệp vụ đó. Hình thức chứng từ ghi sổ gồm các loại sổ:

- Chứng từ ghi sổ
- Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ
- Sổ cái.....



➤ *Trình tự ghi sổ*

**Sơ đồ 1.14: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Chứng từ ghi sổ**



Ghi chú:

Ghi hàng ngày

Ghi cuối kỳ kế toán

Đối chiếu kiểm tra

## **CHƯƠNG 2**

# **THỰC TRẠNG TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI XÍ NGHIỆP KINH DOANH PHÁT TRIỂN NHÀ - CÔNG TY KINH DOANH NHÀ HẢI PHÒNG**

### **2.1 Khái quát chung về Xí nghiệp kinh doanh phát triển nhà**

*Tên giao dịch* : XÍ NGHIỆP KINH DOANH PHÁT TRIỂN NHÀ

*Trụ sở giao dịch* : Số 5 - Hai Bà Trưng - Mê Linh - Lê Chân - Hải Phòng

*Điện thoại* : 031.3630484

*Vốn điều lệ* : 930.000.000 (Chín trăm ba mươi triệu VNĐ)

*Mã số thuế* : 0200156068-003

#### **2.1.1 Quá trình hình thành và phát triển của Xí nghiệp**

Công ty kinh doanh nhà Hải Phòng trực thuộc Sở xây dựng được thành lập theo quyết định số 139/QĐ-TTCP ngày 26 tháng 2 năm 1994.

Xí nghiệp kinh doanh phát triển nhà là đơn vị trực thuộc của Công ty kinh doanh nhà Hải Phòng được thành lập theo quyết định số 56/TCCB ngày 15 tháng 4 năm 2004 của Giám đốc Công ty kinh doanh nhà Hải Phòng và được UBND Thành phố cho phép đăng ký kinh doanh theo quyết định số 19/QĐ-UB, ngày 20 tháng 4 năm 2004.

Xí nghiệp kinh doanh phát triển nhà là đơn vị hạch toán độc lập với Công ty kinh doanh nhà Hải Phòng. Xí nghiệp kinh doanh phát triển nhà là đơn vị hạch toán báo sổ, có tư cách pháp nhân chưa hoàn chỉnh, có con dấu riêng và được mở tài khoản chuyên thu tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam để hoạt động theo quy định của Nhà nước và Công ty kinh doanh nhà Hải Phòng.

#### **2.1.2 Đặc điểm sản xuất kinh doanh của Xí nghiệp**

- Xây dựng, tư vấn giám sát các công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp, giao thông và cơ sở hạ tầng kỹ thuật.

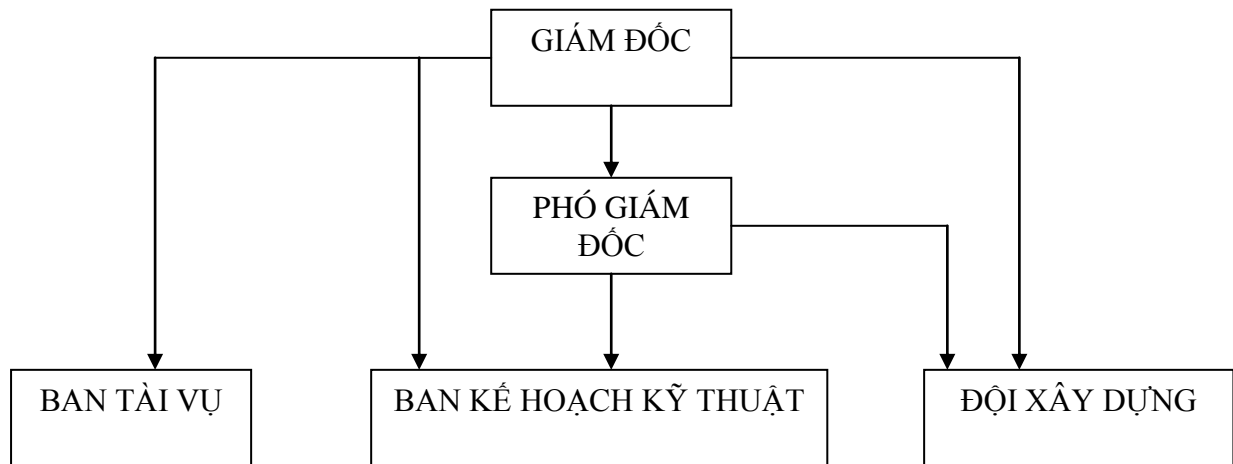
- Xây dựng, sửa chữa và phát triển nhà ở, trang trí nội thất.

- Kinh doanh vật liệu xây dựng.

### 2.1.3 Đặc điểm tổ chức bộ máy quản lý của Xí nghiệp

Xí nghiệp kinh doanh phát triển nhà tổ chức bộ máy quản lý theo mô hình trực tuyến chức năng như sau:

**Sơ đồ 2.1: Mô hình tổ chức bộ máy quản lý XN kinh doanh phát triển nhà**



- **Giám đốc Xí nghiệp:** Là người đứng đầu Xí nghiệp chịu trách nhiệm trước nhà nước về mọi hoạt động kinh doanh của xí nghiệp. Giám đốc là người đại diện toàn quyền của Xí nghiệp trong mọi hoạt động kinh doanh, có quyền kí kết hợp đồng kinh tế có liên quan đến mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của Xí nghiệp và chịu trách nhiệm trước cấp trên về mọi hoạt động đó, có quyền tổ chức bộ máy.

- **Phó giám đốc:** Là người giúp việc cho Giám đốc, được quyền thay mặt Giám đốc Xí nghiệp điều hành các hoạt động sản xuất kinh doanh của Xí nghiệp khi Giám đốc vắng mặt hoặc được Giám đốc ủy quyền. Ngoài ra, phó giám đốc còn phụ trách về công tác khoa học kỹ thuật trong tổ chức thi công công trình xây dựng, tư vấn đầu tư xây dựng, tham mưu cho Giám đốc về nội dung các văn bản pháp lý có liên quan đến các hoạt động của Xí nghiệp trước khi trình Giám đốc ký và ban hành. Phó giám đốc được ký các văn bản, hồ sơ theo chức năng của mình phụ trách và khi được Giám đốc ủy quyền.

- **Ban kế hoạch - kỹ thuật:**

- Có trách nhiệm tham mưu cho Ban giám đốc Xí nghiệp về triển khai thực hiện công tác kinh doanh phát triển nhà.

- Tổ chức nhận thầu xây lắp các công trình theo chức năng ngành nghề kinh doanh của Xí nghiệp.

- Thống kê, tổng hợp báo cáo tháng, quý, năm và đột xuất theo yêu cầu của Xí nghiệp và Công ty về công tác kinh doanh phát triển nhà và các hoạt động sản xuất kinh doanh được giao khác.

- Thực hiện lập và hoàn thiện hồ sơ thanh quyết toán các dự án kinh doanh phát triển nhà của Xí nghiệp với các bên B để các thành viên có liên quan đến dự án tham gia và trình lãnh đạo Xí nghiệp xem xét.

- **Ban kế toán - tài chính:** Tham mưu cho Giám đốc Xí nghiệp tổ chức thực hiện thống nhất về công tác tài chính - kế toán thống kê, thông tin kinh tế, hạch toán kinh tế của Xí nghiệp theo các quy định về công tác tài chính kế toán hiện hành của Nhà nước; thực hiện quản lý tài sản công và của Xí nghiệp, đồng thời tiếp nhận và quản lý hồ sơ, văn bản.

- **Đội xây dựng:** Có trách nhiệm tham mưu cho Ban giám đốc Xí nghiệp về triển khai thực hiện công tác nhận thầu thi công xây lắp các công trình theo chức năng, ngành nghề của Xí nghiệp.

## **2.1.4 Đặc điểm tổ chức công tác kế toán tại Xí nghiệp**

### **2.1.4.1 Đặc điểm tổ chức bộ máy kế toán**

Bộ máy kế toán của Xí nghiệp kinh doanh phát triển nhà được tổ chức theo mô hình tập trung, nhằm tạo điều kiện cho việc kiểm tra, chỉ đạo nghiệp vụ và đảm bảo sự chỉ đạo tập trung thống nhất của kế toán trưởng cũng như sự chỉ đạo kịp thời của lãnh đạo Xí nghiệp đối với hoạt động kinh doanh của Xí nghiệp nói chung và công tác kế toán nói riêng.

Mỗi một nhân viên trong phòng kế toán - tài chính đều có nhiệm vụ nhất định như sau:

- **Kế toán trưởng:** Là người chỉ đạo chung mọi công việc của phòng kế toán tài vụ, có nhiệm vụ kiểm tra giám sát mọi sổ sách kế toán và chịu trách nhiệm trước giám đốc về toàn bộ hoạt động kế toán của Xí nghiệp.

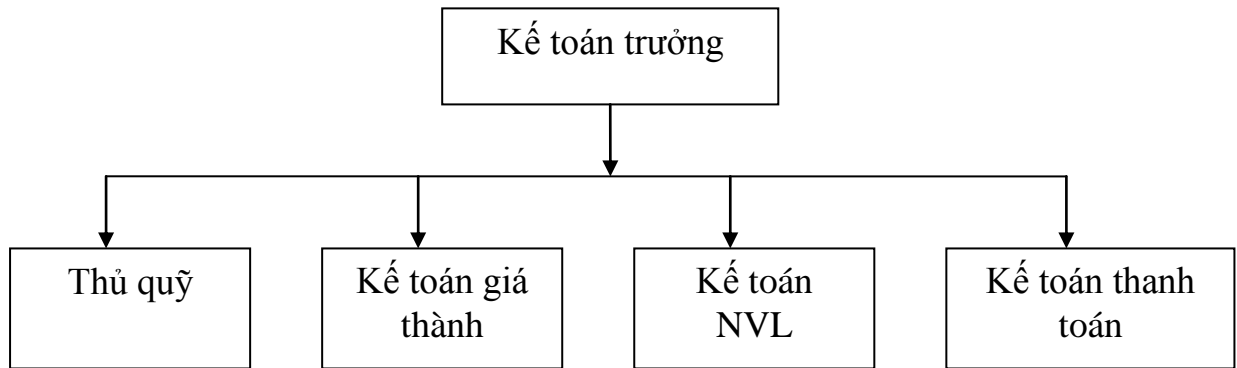
- **Kế toán thanh toán:** Theo dõi các khoản nợ phải thu, phải trả và tình hình thanh toán khoản phải thu của người nhận thầu với người giao thầu về khối lượng xây dựng đã hoàn thành, thanh toán khoản nợ cho người nhận thầu xây lắp.

- **Kế toán giá thành:** Chịu trách nhiệm tính giá thành các công trình, hạng mục công trình hoàn thành bàn giao cho khách hàng.

• **Kế toán nguyên vật liệu:** Chịu trách nhiệm theo dõi việc mua, nhập xuất nguyên vật liệu và tham gia vào việc tính giá thành cùng kế toán tính giá thành.

• **Thủ quỹ:** Có nhiệm vụ thu, chi tiền mặt trên cơ sở chứng từ (như phiếu thu, phiếu chi, giấy đề nghị thanh toán, tạm ứng) và lập báo cáo quỹ tiền mặt theo quy định.

Sơ đồ 2.2: Mô hình tổ chức bộ máy kế toán của XN kinh doanh phát triển nhà

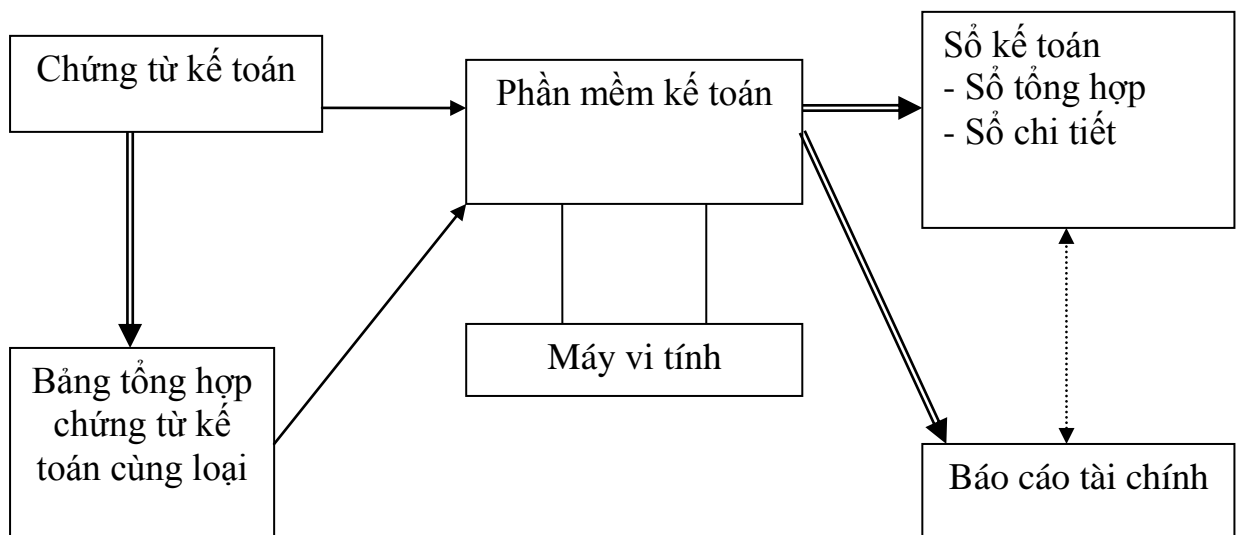


2.1.4.2 Hình thức kế toán và các phương pháp, chính sách kế toán áp dụng tại Xí nghiệp

Xí nghiệp đang áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ- BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính.

Hiện nay, Xí nghiệp đang sử dụng phần mềm kế toán NCC Account theo hình thức Nhật ký chung.

Sơ đồ 2.3: Trình tự ghi sổ kế toán trên máy vi tính

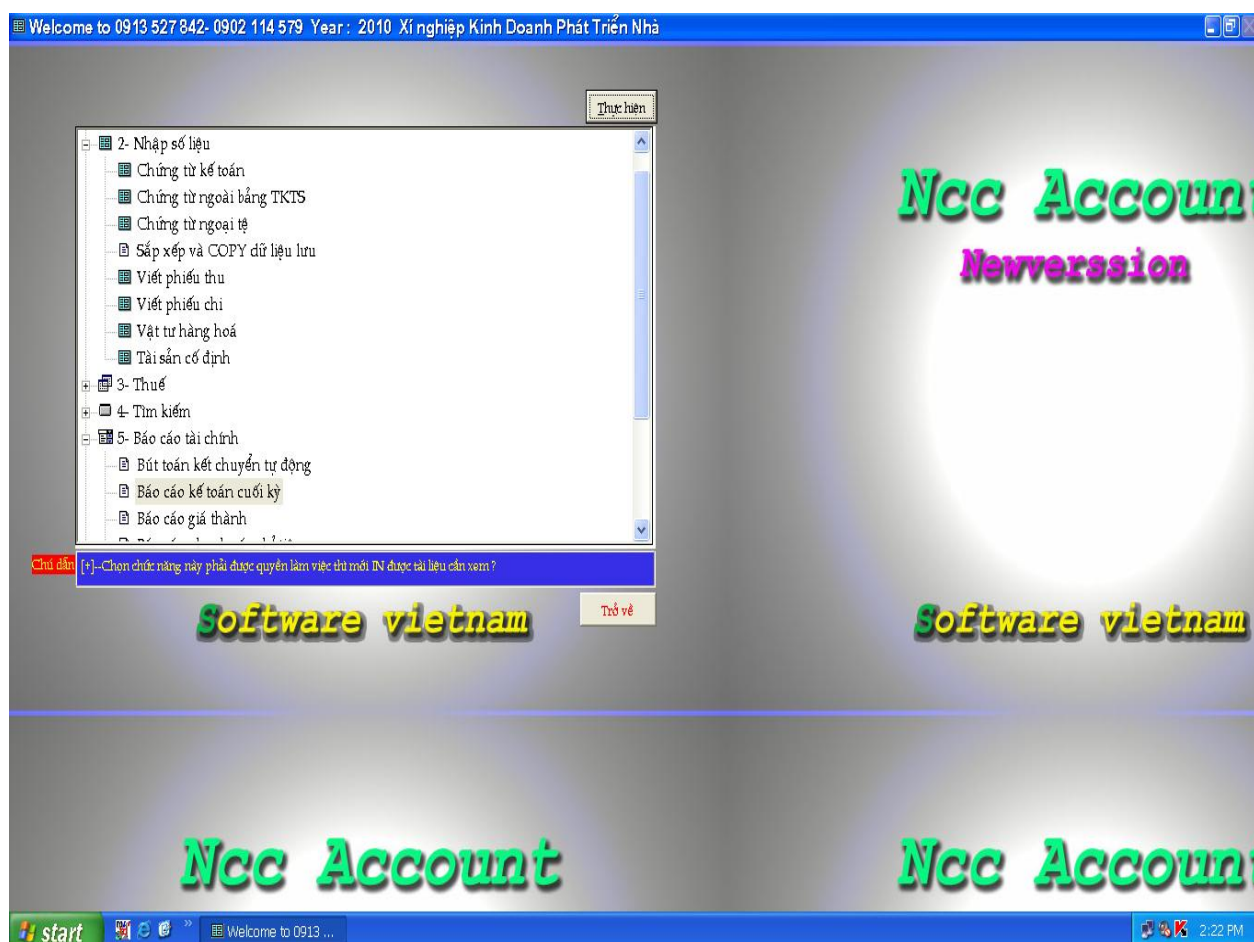


Ghi chú:

- Ghi hàng ngày →
- Ghi cuối kỳ kế toán ==>
- Đối chiếu kiểm tra <-.->

Hàng ngày, kế toán căn cứ vào các chứng từ kế toán hoặc bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại đã được kiểm tra được dùng làm căn cứ ghi sổ xác định tài khoản ghi Nợ, tài khoản ghi Có để nhập dữ liệu vào máy tính theo các bảng biểu được thiết kế sẵn trên phần mềm kế toán. Theo quy trình của phần mềm kế toán, các thông tin được nhập vào máy sẽ tự động nhập vào sổ nhật ký chung và sổ cái.

Cuối tháng (hoặc bất kỳ thời điểm cần thiết nào) kế toán thực hiện các thao tác khoá sổ (cộng sổ) và lập báo cáo tài chính. Việc đối chiếu giữa các số liệu chi tiết được thực hiện tự động và luôn đảm bảo chính xác, trung thực theo thông tin đã được nhập trong kỳ. Người làm kế toán có thể kiểm tra đối chiếu số liệu giữa sổ kế toán với báo cáo tài chính sau khi đã in ra giấy.



## **2.2 Thực trạng tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Xí nghiệp kinh doanh phát triển nhà**

### **2.2.1 Thực trạng tổ chức kế toán doanh thu bán hàng, các khoản giảm trừ doanh thu và chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh tại Xí nghiệp**

#### **2.2.1.1 Kế toán doanh thu bán hàng**

Sản phẩm của Xí nghiệp là các công trình sửa chữa, xây lắp chính vì vậy nên phương thức bán hàng của Xí nghiệp là phương thức bán hàng trực tiếp.

Doanh thu của Xí nghiệp là chủ yếu là từ việc bán các công trình xây dựng. Các hình thức thanh toán áp dụng tại Xí nghiệp là:

- Thanh toán trực tiếp bằng tiền mặt: áp dụng cho những khách hàng có nhu cầu thanh toán ngay.

- Thanh toán chậm: khi bán sản phẩm cho khách hàng Xí nghiệp không thu được tiền ngay vì vậy kế toán phải theo dõi công nợ phải thu qua TK 131.

- Thanh toán qua ngân hàng: hình thức này được trích chuyển từ tài khoản người phải trả sang tài khoản người được hưởng thông qua ngân hàng và phải trả lệ phí cho ngân hàng.

#### **➤ Chứng từ và tài khoản sử dụng**

Để hạch toán doanh thu bán hàng và thuế GTGT, kế toán sử dụng tài khoản sau:

- TK 511 - Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

+ TK 5112 - Doanh thu bán thành phẩm

Và các tài khoản có liên quan như:

- TK 333 - Thuế GTGT đầu ra

- TK 111, 112 - Tiền mặt, tiền gửi ngân hàng

+ TK 1111 - Tiền Việt Nam

+ TK 1121 - Tiền Việt Nam

- TK 131 - Phải thu khách hàng

Trong công tác kế toán tiêu thụ, chứng từ được sử dụng để hạch toán bao gồm:

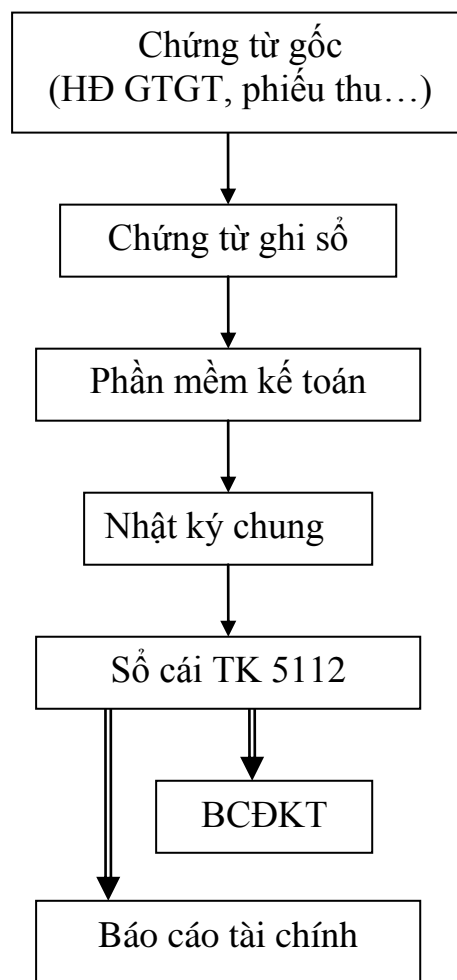
- Hóa đơn GTGT

+ Liên 1: Lưu gốc

- + Liên 2: Giao khách hàng
- + Liên 3: Nội bộ
- Giấy báo có của ngân hàng
- Phiếu thu
- Chứng từ ghi sổ
- Chứng từ khác có liên quan (nếu có)

➤ *Trình tự hạch toán*

Sơ đồ 2.4: Trình tự kế toán doanh thu bán hàng



Ghi chú:

Nhập liệu hàng ngày



In sổ, báo cáo cuối tháng, cuối kỳ





Ví dụ: Ngày 28 tháng 12 năm 2009, tại Xí nghiệp phát sinh nghiệp vụ bàn giao công trình sửa chữa nhà điều hành nhà máy Proconco Đình Vũ

- Kế toán lập Hóa đơn GTGT số 0084889 và Bảng quyết toán kinh phí công trình sửa chữa nhà điều hành Nhà máy sản xuất thức ăn gia súc Proconco Đình Vũ.

- Căn cứ vào HĐ GTGT và Bảng quyết toán kinh phí công trình kế toán lập chứng từ ghi sổ. Từ chứng từ ghi sổ kế toán tiến hành vào phần mềm kế toán chọn phân hệ “Nhập số liệu” => “Chứng từ kế toán” => Màn hình nhập số liệu.

Sau khi nhập xong số liệu phần mềm sẽ tự động chuyển dữ liệu vào nhật ký chung và sổ cái TK 5112.

Để xem nhật ký chung và sổ cái tài khoản 5112 kế toán vào phần “Báo cáo kế toán” => chọn lần lượt “In nhật ký chung các TK” và “In sổ cái các TK” => “Thi hành”

**Biểu 2.1:**

<b>HÓA ĐƠN</b>			Mẫu số: 01 GTKT-3LL															
<b>GIÁ TRỊ GIA TĂNG</b>			EQ/2008B															
Liên 3: Nội bộ			0084889															
Ngày 28 tháng 12 năm 2009																		
Đơn vị bán hàng: Xí nghiệp kinh doanh phát triển nhà																		
Địa chỉ: Số 5 - Hai Bà Trưng - Mê Linh																		
Số tài khoản: 710A-11330																		
Điện thoại:.....		MS:		<table border="1" style="display: inline-table; border-collapse: collapse;"> <tr> <td style="width: 20px; text-align: center;">0</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">2</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">0</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">0</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">1</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">5</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">6</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">0</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">6</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">8</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">0</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">0</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">3</td> </tr> </table>		0	2	0	0	1	5	6	0	6	8	0	0	3
0	2	0	0	1	5	6	0	6	8	0	0	3						
Họ tên người mua hàng:.....																		
Tên đơn vị: Nhà máy sản xuất thức ăn gia súc Proconco Đình Vũ																		
Số tài khoản:.....																		
Hình thức thanh toán: TM/CK		MS:		<table border="1" style="display: inline-table; border-collapse: collapse;"> <tr> <td style="width: 20px; text-align: center;">3</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">6</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">0</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">0</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">2</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">3</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">4</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">5</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">3</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">4</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">0</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">0</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">8</td> </tr> </table>		3	6	0	0	2	3	4	5	3	4	0	0	8
3	6	0	0	2	3	4	5	3	4	0	0	8						
STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền													
A	B	C	1	2	3 = 1 x 2													
1	Sửa chữa nhà điều hành nhà máy Proconco				117.824.545													
		Cộng tiền hàng:			<b>117.824.545</b>													
	Thuế suất 10%			Tiền thuế GTGT:	<b>11.782.455</b>													
				Tổng cộng tiền thanh toán:	<b>129.607.000</b>													
Số tiền viết bằng chữ: <i>Một trăm hai chín triệu sáu trăm linh bảy nghìn đồng/.</i>																		
Người mua hàng <i>(Ký, ghi rõ họ tên)</i>		Người bán hàng <i>(Ký, ghi rõ họ tên)</i>		Thủ trưởng đơn vị <i>(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)</i>														
<i>(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)</i>																		

**Biểu 2.2:**

ĐƠN VỊ: XÍ NGHIỆP KINH DOANH PHÁT TRIỂN NHÀ

ĐỘI XÂY DỰNG SỐ 02

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

*Độc lập - Tự do - Hạnh phúc*

Hải Phòng, ngày 28 tháng 12 năm 2009

**BẢNG THANH TOÁN KINH PHÍ CÔNG TRÌNH**

Đội xây dựng số 02 nhận thi công công trình sửa chữa nhà điều hành nhà máy thức ăn gia súc Proconco Đình Vũ và đã có quyết toán, tiền được chuyển về Xí nghiệp.

STT	TÊN CÔNG TRÌNH	GIÁ TRỊ THANH TOÁN	% KHOẢN	TRONG ĐÓ		DOANH THU		BẢO HÀNH
				DOANH THU	THUẾ ĐẦU RA	XÍ NGHIỆP	ĐỘI	
1	Sửa chữa nhà điều hành	129.607.000	2%	117.824.545	11.782.455	2.356.545	115.468.000	6.480.350
	<b>Tổng cộng</b>	<b>129.607.000</b>		<b>117.824.545</b>	<b>11.782.455</b>	<b>2.356.545</b>	<b>115.468.000</b>	<b>6.480.350</b>

GIÁM ĐỐC  
Đỗ Văn Minh

BAN TÀI VỤ  
Trần Huyền

ĐỘI XD  
Đặng Viết Châu

KỸ THUẬT  
Đặng Viết Châu

**Biểu 2.3:**

ĐƠN VỊ: XÍ NGHIỆP KINH DOANH PHÁT TRIỂN NHÀ

**CHỨNG TỪ GHI SỔ**

Số: 77

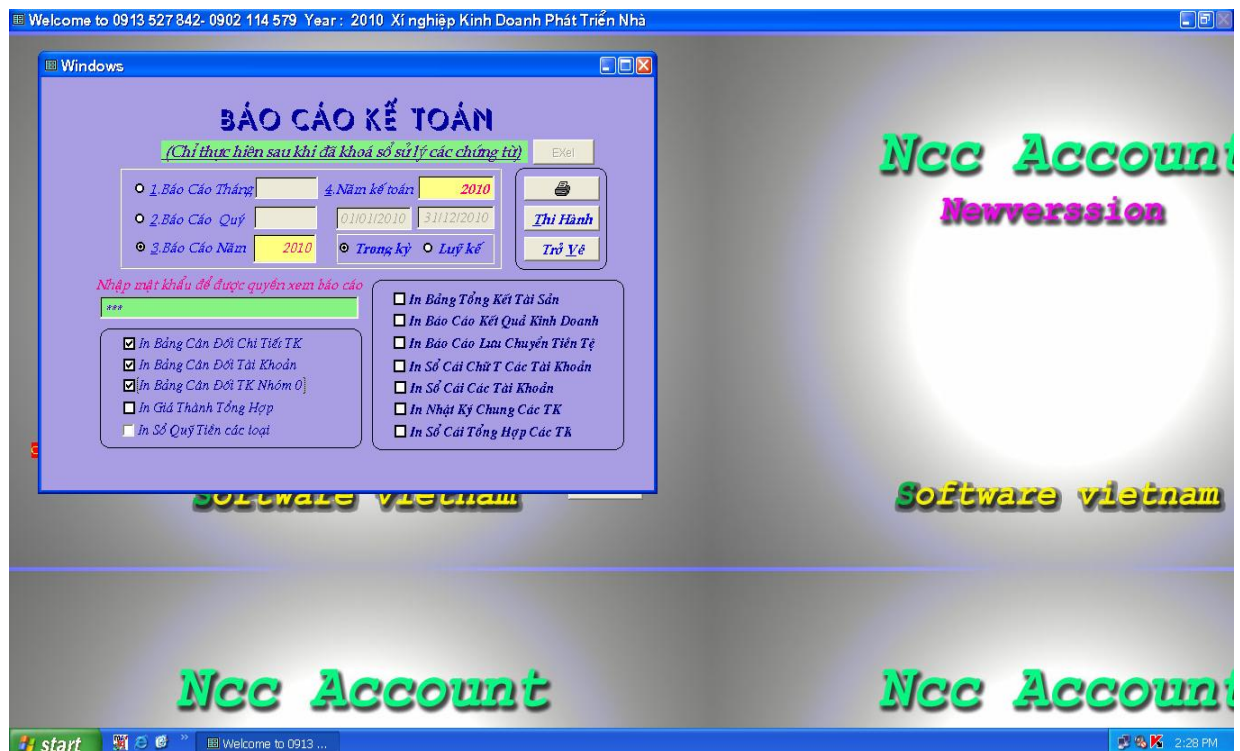
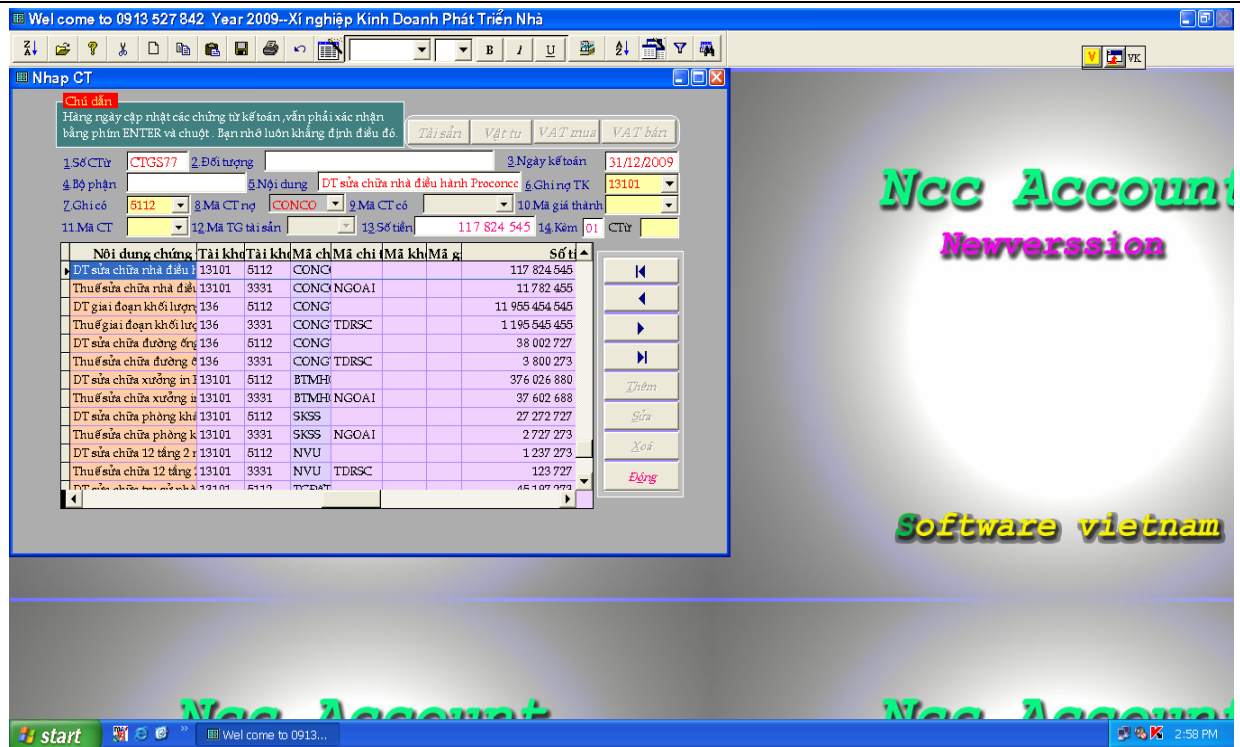
Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Chứng từ		Trích yếu	Số hiệu tài khoản		Số tiền	Ghi chú
Số	Ngày		Nợ	Có		
	28/12	DT sửa chữa nhà điều hành nhà máy Proconco	13101	5112	117.824.545	
		Thuế GTGT đầu ra	13101	333	11.782.455	
	28/12	DT sửa chữa xưởng in Hải Quân	13101	5112	376.026.880	
		Thuế GTGT đầu ra	13101	333	37.602.688	
		Cộng			543.236.568	

Kèm theo.....chứng từ gốc

Người lập  
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng  
(Ký, họ tên)



**Biểu 2.4:**

ĐƠN VỊ: XÍ NGHIỆP KINH DOANH PHÁT TRIỂN NHÀ

**NHẬT KÝ CHUNG**  
*Quý 4 năm 2009*

Ngày chứng từ	Số hiệu chứng từ	Nội dung chứng từ	TKĐƯ		Số tiền
			Nợ	Có	
.....	.....	.....	.....	.....	.....
31/12/09	CTGS77	DT sửa chữa nhà điều hành nhà máy Proconco	13101	5112	117.824.545
31/12/09	CTGS77	Thuế GTGT đầu ra	13101	333	11.782.455
31/12/09	CTGS77	DT sửa chữa xưởng in Hải Quân	13101	5112	376.026.880
31/12/09	CTGS77	Thuế GTGT đầu ra	13101	333	37.602.688
.....	.....	.....	.....	.....	.....
31/12/09	CTGS85	Kết chuyển doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	5112	911	15.902.646.207
31/12/09	CTGS85	Kết chuyển giá vốn hàng bán xđ kết quả kinh doanh	911	632	15.287.422.000
.....	.....	.....	.....	.....	.....
		<b>Tổng cộng</b>			<b>147.275.844.922</b>

Ngày.....tháng.....năm 2009

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Thủ trưởng đơn vị

(Nguồn tài liệu: Sổ nhật ký chung trong quý 4 năm 2009)

**Biểu 2.5:**

ĐƠN VỊ: XÍ NGHIỆP KINH DOANH PHÁT TRIỂN NHÀ

**SỔ CÁI TÀI KHOẢN 5112**

Quý 4 năm 2009

Tài khoản 5112 - Doanh thu bán thành phẩm

Ngày chứng từ	Số hiệu chứng từ	Nội dung chứng từ	TKĐƯ		Số tiền nợ	Số tiền có
			Nợ	Có		
30/10/09	CTGS31	DT hạng mục thảm bê tông mặt đường	13101	5112		38.296.873
30/10/09	CTGS31	DT sửa chữa nhà khách và lò hơi	13101	5112		21.734.545
30/11/09	CTGS44	DT 03 - nhiệm vụ nguy hiểm	13101	5112		3.909.091
30/11/09	CTGS44	DT thuê địa điểm	13101	5112		30.000.000
30/11/09	CTGS44	DT các hạng mục CT Thùy Dương	13101	5112		349.287.273
<b>31/12/09</b>	<b>CTGS77</b>	<b>DT sửa chữa nhà điều hành nhà máy Proconco</b>	<b>13101</b>	<b>5112</b>		<b>117.824.545</b>
31/12/09	CTGS77	DT sửa chữa xưởng in Hải Quân	13101	5112		376.026.880
31/12/09	CTGS78	DT giai đoạn khối lượng Cát Bi	136	5112		11.955.454.545
31/12/09	CTGS78	DT sửa chữa ống thoát nước DA ĐQB	136	5112		38.002.727
31/12/09	CTGS79	DT sửa chữa phòng khám	13101	5112		27.272.727
31/12/09	CTGS79	DT sửa chữa ngõ Cao Thắng	13101	5112		1.237.273
31/12/09	CTGS80	DT sửa chữa trụ sở phòng thuế Cầu Đất	13101	5112		45.197.273
31/12/09	CTGS80	DT thuê địa điểm	13101	5112		17.727.273
31/12/09	CTGS81	DT gói thầu số 10	136	5112		88.774.545
31/12/09	CTGS82	DT các công trình sửa chữa	136	5112		2.778.685.937
31/12/09	CTGS85	Kết chuyển DT xđ kqkd	5112	911	15.902.646.207	
		<b>Tổng cộng</b>			<b>15.902.646.207</b>	<b>15.902.646.207</b>

Số dư đầu kỳ:

Số dư cuối kỳ:

Ngày....tháng...năm 2009

Thủ trưởng đơn vị

Người lập biểu

Kế toán trưởng

(Nguồn tài liệu: Sổ cái tài khoản 511 trong quý 4 năm 2009)

### **2.2.1.2 Kế các khoản giảm trừ doanh thu**

Tại Xí nghiệp không sử dụng các TK 521, 531, 532 trong hạch toán vì không có nghiệp vụ nào phát sinh liên quan đến các TK này.

### **2.2.1.3 Kế toán giá vốn hàng bán**

Để hạch toán giá vốn hàng bán, kế toán sử dụng các tài khoản sau:

- TK 632 - Giá vốn hàng bán
- TK 154 - Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang

#### **❖ Chứng từ sử dụng**

Trong công tác kế toán giá vốn hàng bán, chứng từ được sử dụng để hạch toán bao gồm:

- Bảng kê chi phí trực tiếp
- Chứng từ ghi sổ

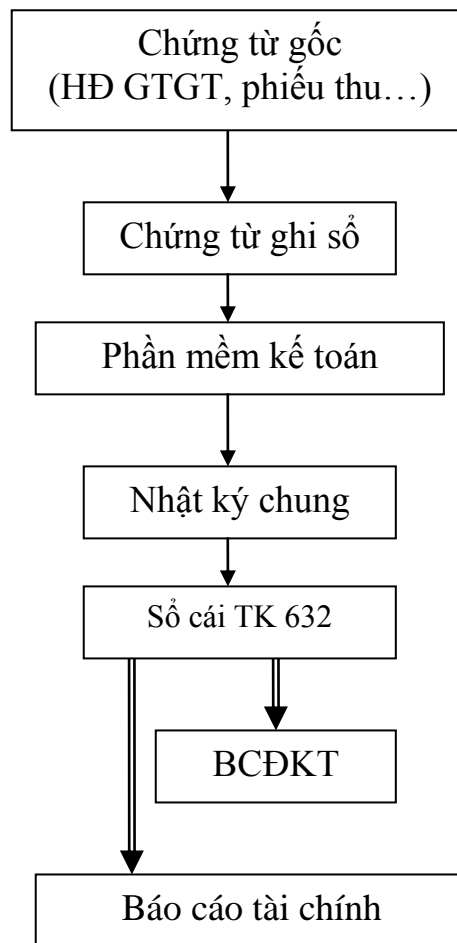
#### **❖ Sổ sách sử dụng**

- Nhật ký chung
- Sổ sái TK 632

#### **❖ Trình tự hạch toán**



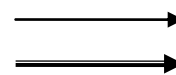
Sơ đồ 2.5: Trình tự kế toán giá vốn hàng bán



Ghi chú:

Nhập liệu hàng ngày

In sổ, báo cáo cuối tháng, cuối kỳ



Cùng với việc ghi nhận doanh thu, kế toán phải tiến hành ghi nhận giá vốn của công trình bàn giao cho khách hàng.

Ví dụ: Khi tiến hành ghi nhận doanh thu do bàn giao công trình sửa chữa nhà điều hành cho Nhà máy sản xuất thức ăn gia súc Proconco Đình Vũ căn cứ trên Hóa đơn GTGT số 0084889 ngày 28 tháng 12 năm 2009, kế toán phải ghi bút toán ghi nhận giá vốn hàng bán.

- Căn cứ vào Bảng kê chi phí trực tiếp kế toán lập chứng từ ghi sổ.

- Từ chứng từ ghi sổ kế toán chọn phần mềm kế toán nhấp chuột vào phần “Nhập số liệu” => “Chứng từ kế toán” => Màn hình nhập số liệu.

Sau khi nhập xong số liệu phần mềm kế toán sẽ tự động chuyển số liệu vào sổ nhật ký chung và sổ cái TK 632.

Để xem sổ nhật ký chung và sổ cái TK 632, kế toán chọn phân hệ “Báo cáo kế toán” => “In nhật ký chung các TK” và “In sổ cái các TK” => “Thi hành”.

**Biểu 2.6:**

ĐƠN VỊ: XÍ NGHIỆP KINH DOANH PHÁT TRIỂN NHÀ

**CHỨNG TỪ GHI SỔ**

Số: 83

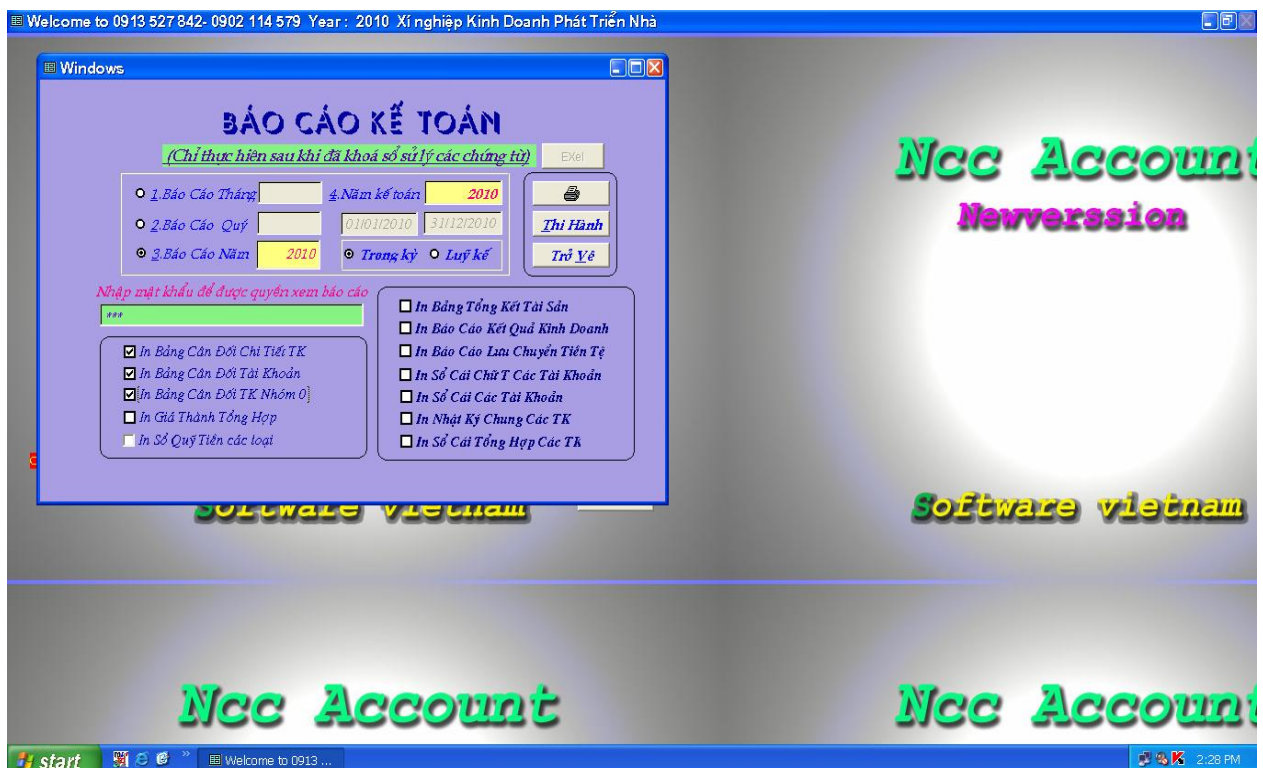
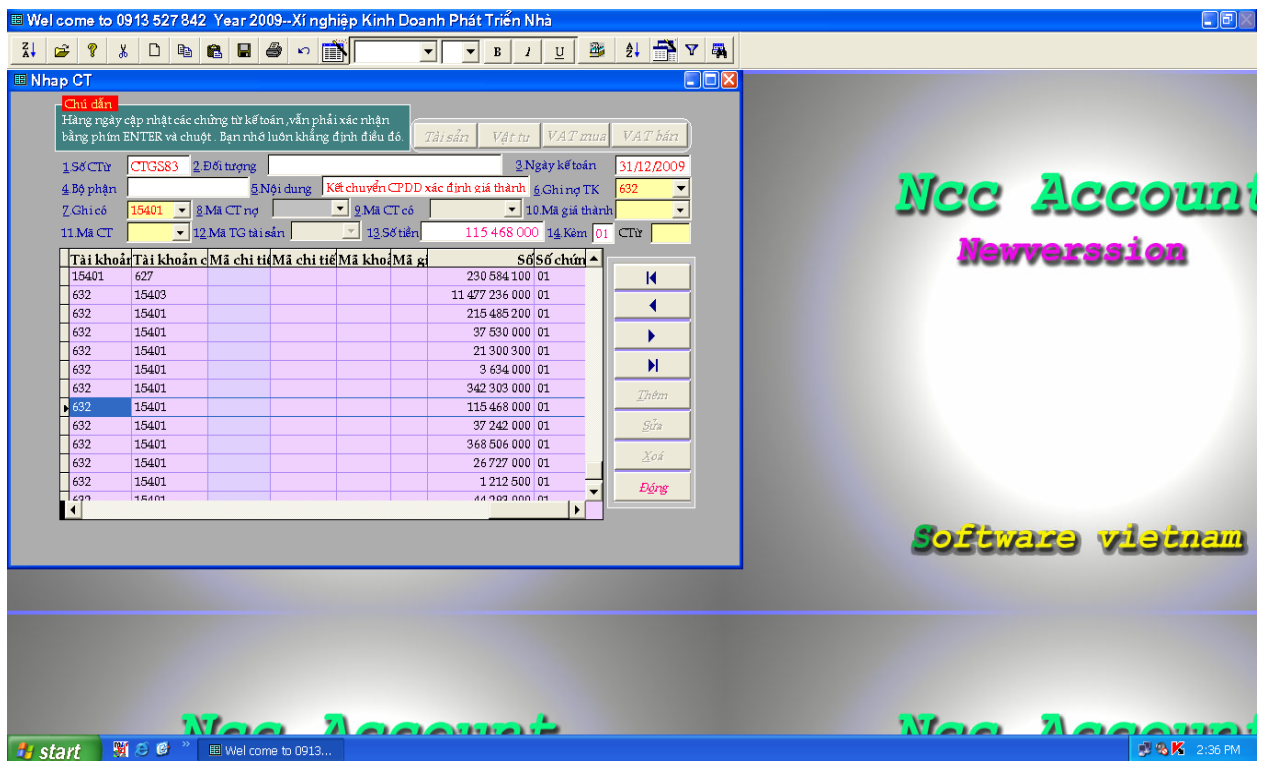
Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Chứng từ		Trích yếu	Số hiệu tài khoản		Số tiền	Ghi chú
			Nợ	Có		
Số	Ngày					
	31/12	K/c CPDD xác định giá thành Nhà máy Proconco	632	15401	115.468.000	
	31/12	K/c CPDD xác định giá thành CT sửa chữa	632	15401	37.242.000	
...	....	.....	....	.....	.....	.....
		Cộng			14.882.654.700	

Kèm theo.....chứng từ gốc

Người lập  
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng  
(Ký, họ tên)



**Biểu 2.7:**

ĐƠN VỊ: XÍ NGHIỆP KINH DOANH PHÁT TRIỂN NHÀ

**NHẬT KÝ CHUNG**

*Quý 4 năm 2009*

Ngày chứng từ	Số hiệu chứng từ	Nội dung chứng từ	TKĐU'		Số tiền
			Nợ	Có	
.....	.....	.....	.....	.....	.....
31/12/09	CTGS83	K/c CPDD xác định giá thành DA Cát Bi	632	15403	11.477.236.000
31/12/09	CTGS83	K/c CPDD xác định giá thành gói thầu số 10	632	15401	215.485.200
<b>31/12/09</b>	<b>CTGS83</b>	<b>K/c CPDD xác định giá thành Proconco</b>	<b>632</b>	<b>15401</b>	<b>115.468.000</b>
31/12/09	CTGS83	K/c CPDD xác định giá thành CT sửa chữa	632	15401	37.242.000
31/12/09	CTGS83	K/c CPDD xác định giá thành CT sửa chữa	632	15401	368.506.000
.....	.....	.....	.....	.....	.....
31/12/09	CTGS85	K/c giá vốn hàng bán xác định KQKD	911	632	15.287.422.000
.....	.....	.....	.....	.....	.....
		<b>Tổng cộng</b>			<b>147.275.844.922</b>

Người lập biểu

Kế toán trưởng  
(Nguồn tài liệu: Sổ nhật ký chung trong quý 4 năm 2009)

Ngày.....tháng.....năm 2009  
Thủ trưởng đơn vị

**Biểu 2.8:**

ĐƠN VỊ: XÍ NGHIỆP KINH DOANH PHÁT TRIỂN NHÀ

**SỔ CÁI TÀI KHOẢN 632**

Quý 4 năm 2009

Tài khoản 632 - Giá vốn hàng bán

Ngày chứng từ	Số hiệu chứng từ	Nội dung chứng từ	TKĐƯ		Số tiền nợ	Số tiền có
			Nợ	Có		
30/10/09	CTGS32	K/c CPDD xác định giá thành trái bê tông	632	15401	37.530.000	
30/10/09	CTGS32	K/c CPDD xác định giá thành lò hơi	632	15401	21.300.300	
30/11/09	CTGS45	K/c CPDD xác định giá thành nhiệm vụ nguy hiểm	632	15401	3.634.000	
30/11/09	CTGS45	K/c CPDD xác định giá thành CT Thùy Dương	632	15401	342.303.000	
31/12/09	CTGS83	K/c CPDD xác định giá thành DA Cát Bi	632	15403	11.477.236.000	
31/12/09	CTGS83	K/c CPDD xác định giá thành gói thầu số 10	632	15401	215.485.200	
<b>31/12/09</b>	<b>CTGS83</b>	<b>K/c CPDD xác định giá thành Proconco</b>	<b>632</b>	<b>15401</b>	<b>115.468.000</b>	
31/12/09	CTGS83	K/c CPDD xác định giá thành CT sửa chữa	632	15401	37.242.000	
31/12/09	CTGS83	K/c CPDD xác định giá thành CT sửa chữa	632	15401	368.506.000	
31/12/09	CTGS83	K/c CPDD xác định giá thành CT sửa chữa	632	15401	26.727.000	
31/12/09	CTGS83	K/c CPDD xác định giá thành CT sửa chữa	632	15401	1.212.500	
31/12/09	CTGS83	K/c CPDD xác định giá thành CT sửa chữa	632	15401	44.293.000	
31/12/09	CTGS83	K/c CPDD xác định giá thành CT sửa chữa	632	15401	2.596.485.000	
31/12/09	CTGS85	K/c giá vốn hàng bán xác định KQKD	911	632		15.287.422.000
		<b>Tổng cộng</b>			<b>15.287.422.000</b>	<b>15.287.422.000</b>

Số dư đầu kỳ:

Số dư cuối kỳ:

Ngày....tháng...năm 2009

Thủ trưởng đơn vị

Người lập biểu

Kế toán trưởng

(Nguồn tài liệu: Sổ cái tài khoản 632 trong quý 4 năm 2009)

#### **2.2.1.4 Kế toán chi phí bán hàng**

Do đặc thù ngành nghề của Xí nghiệp kinh doanh phát triển nhà là xây lắp, thi công các công trình, hạng mục công trình nên khi hoàn thành được nghiệm thu và bàn giao ngay nên không phát sinh bất kỳ khoản chi phí bán hàng nào.

#### **2.2.1.5 Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp**

Chi phí quản lý của Xí nghiệp gồm chi phí nhân viên quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp...), bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn của nhân viên quản lý doanh nghiệp, chi phí đồ dùng văn phòng phẩm, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp, dịch vụ mua ngoài khác (điện, nước, vệ sinh văn phòng...) và chi phí bằng tiền khác.

##### **❖ Tài khoản sử dụng**

Chi phí quản lý doanh nghiệp của Xí nghiệp được hạch toán bằng các tài khoản sau:

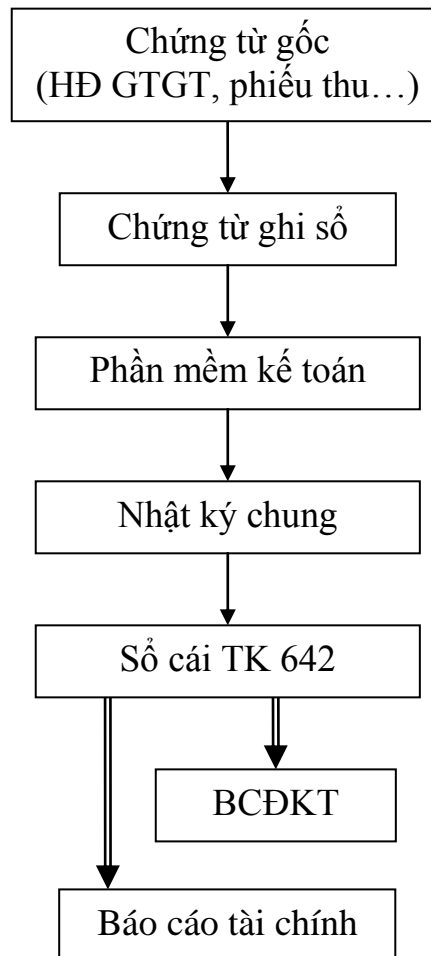
- TK 142 - Chi phí trả trước
- + TK 1422 - Chi phí chờ kết chuyển
- TK 642 - Chi phí quản lý doanh nghiệp

##### **❖ Chứng từ và sổ sách sử dụng**

- Phiếu chi, HĐ GTGT
- Bảng phân bổ tiền lương
- Bảng tính và phân bổ khấu hao TSCĐ
- Chứng từ ghi sổ
- Nhật ký chung
- Sổ cái TK 1422, TK 642

##### **❖ Trình tự hạch toán**

Sơ đồ 2.6: Trình tự kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp



Ghi chú:

Nhập liệu hàng ngày —————→

In sổ, báo cáo cuối tháng, cuối kỳ ══════════→

Ví dụ: Ngày 31 tháng 12 tại Xí nghiệp phát sinh nghiệp vụ thanh toán chi phí sửa máy tính ban tài vụ kế toán viết phiếu chi số 23/12.

- Căn cứ vào Phiếu chi số 23/12 thanh toán chi phí sửa máy tính ban tài vụ ngày 31 tháng 12 năm 2009 kế toán lập chứng từ ghi sổ.

- Từ chứng từ ghi sổ kế toán nhập dữ liệu vào máy tính. Kế toán chọn phân hệ “Nhập số liệu” => “Chứng từ kế toán” => Màn hình nhập dữ liệu. Sau khi nhập xong phần mềm sẽ tự động chuyển số liệu vào sổ nhật ký chung và sổ cái TK 1422, 642.

- Để xem nhật ký chung và sổ cái TK 142, TK 642 kế toán chọn phân hệ “Báo cáo kế toán” => chọn lần lượt “In nhật ký chung” và “In sổ cái các TK” => “Thực hành”.

Đơn vị: XN kinh doanh phát triển nhà

**PHIẾU CHI**

Quyển số:...

**Mẫu số 02-TT**

Địa chỉ: Số 5-Hai Bà Trưng-Mê Linh

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Số: 23 /12

Ban hành theo QĐ số

Nợ:.....

15/2006/QĐ-BTC

Có:.....

ngày 20/3/2006 của  
Bộ trưởng BTC

Họ, tên người nhận tiền: Nguyễn Thị Hương

Địa chỉ: Ban tài vụ

Lý do chi: Thanh toán chi phí sửa máy tính ban tài vụ

Số tiền: 903.000 .....(Viết bằng chữ) Chín trăm linh ba nghìn đồng chẵn/.

Kèm theo.....chứng từ gốc.....

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Thủ trưởng đơn vị

Kế toán trưởng

Người lập

Người nhận

Thủ quỹ

(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ):.....

+ Tỷ giá ngoại tệ (vàng, bạc, đá quý):.....

+ Số tiền quy đổi.....

**Biểu 2.9**

ĐƠN VỊ: XÍ NGHIỆP KINH DOANH PHÁT TRIỂN NHÀ

**CHỨNG TỪ GHI SỔ**

Số: 65

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Chứng từ		Trích yếu	Số hiệu tài khoản		Số tiền	Ghi chú
Số	Ngày		Nợ	Có		
	31/12	Thanh toán chi phí sửa máy tính ban tài vụ	1422	1111	860.000	
			133	1111	43.000	
		Cộng			903.000	

Kèm theo.....chứng từ gốc

Người lập

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)



**Biểu 2.10:**

ĐƠN VỊ: XÍ NGHIỆP KINH DOANH PHÁT TRIỂN NHÀ

**NHẬT KÝ CHUNG**  
*Quý 4 năm 2009*

Ngày chứng từ	Số hiệu chứng từ	Nội dung chứng từ	TKĐƯ		Số tiền
			Nợ	Có	
.....	.....	.....	.....	.....	.....
10/12/09	CTGS 04	Trích nộp BH con người năm 2010	1422	336	2.100.000
10/12/09	CTGS 04	Trích nộp BHXH T12/09	1422	1121	9.481.680
.....	.....	.....	.....	.....	.....
31/12/09	CTGS53	Lương T12/09 khối gián tiếp + bảo vệ	1422	334	26.801.900
<b>31/12/09</b>	<b>CTGS65</b>	<b>Thanh toán chi phí sửa máy tính ban tài vụ</b>	<b>1422</b>	<b>1111</b>	<b>860.000</b>
<b>31/12/09</b>	<b>CTGS84</b>	<b>Phân bổ chi phí</b>	<b>642</b>	<b>1422</b>	<b>653.011.937</b>
.....	.....	.....	.....	.....	.....
31/12/09	CTGS85	Kết chuyển chi phí QLDN xác định KQKD	911	642	653.011.937
		<b>Tổng cộng</b>			<b>147.275.844.922</b>

Người lập biểu

Kế toán trưởng  
(Nguồn tài liệu: Sổ nhật ký chung trong quý 4 năm 2009)Ngày.....tháng.....năm 2009  
Thủ trưởng đơn vị

**Biểu 2.11:**

ĐƠN VỊ: XÍ NGHIỆP KINH DOANH PHÁT TRIỂN NHÀ

**SỔ CÁI TÀI KHOẢN 1422**

Quý 4 năm 2009

Tài khoản 1422- Chi phí chờ kết chuyển

Ngày chứng từ	Số hiệu chứng từ	Nội dung chứng từ	TKĐU'		Số tiền nợ	Số tiền có
			Nợ	Có		
.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....
10/12/09	CTGS04	Trích nộp BH con người năm 2010	1422	336	2.100.000	
10/12/09	CTGS04	Trích nộp BHXH T12/09	1422	3383	9.481.680	
11/12/09	CTGS05	Phí chuyển tiền	1422	1121	10.000	
.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....
31/12/09	CTGS53	Lương T12/09 khối gián tiếp + bảo vệ	1422	334	26.801.900	
<b>31/12/09</b>	<b>CTGS65</b>	<b>Thanh toán chi phí sửa máy tính ban tài vụ</b>	<b>1422</b>	<b>1111</b>	<b>860.000</b>	
<b>31/12/09</b>	<b>CTGS84</b>	<b>Phân bổ chi phí</b>	<b>642</b>	<b>1422</b>		<b>653.011.937</b>
		<b>Tổng cộng</b>			<b>168.957.841</b>	<b>653.011.937</b>

Số dư đầu kỳ: 751.659.169

Số dư cuối kỳ: 267.605.073

Ngày....tháng...năm 2009

Thủ trưởng đơn vị

Người lập biểu

Kế toán trưởng

(Nguồn tài liệu: Sổ cái tài khoản 142 trong quý 4 năm 2009)

**Biểu 2.12:**

ĐƠN VỊ: XÍ NGHIỆP KINH DOANH PHÁT TRIỂN NHÀ

**SỔ CÁI TÀI KHOẢN 642**

*Quý 4 năm 2009*

Tài khoản 642 - Chi phí quản lý doanh nghiệp

Ngày chứng từ	Số hiệu chứng từ	Nội dung chứng từ	TKĐU'		Số tiền nợ	Số tiền có
			Nợ	Có		
31/12/09	CTGS84	Phân bổ chi phí	642	1422	653.011.937	
31/12/09	CTGS85	Kết chuyển chi phí QLDN xác định KQKD	911	642		653.011.937
		<b>Tổng cộng</b>			<b>653.011.937</b>	<b>653.011.937</b>

Số dư đầu kỳ:

Số dư cuối kỳ:

*Ngày....tháng...năm 2009*

Thủ trưởng đơn vị

Người lập biểu

Kê toán trưởng

*(Nguồn tài liệu: Sổ cái tài khoản 642 trong quý 4 năm 2009)*

## **2.2.2 Thực trạng tổ chức kế toán doanh thu, chi phí hoạt động tài chính tại Xí nghiệp**

### **2.2.2.1 Kế toán doanh thu hoạt động tài chính**

Doanh thu hoạt động tài chính tại Xí nghiệp kinh doanh phát triển nhà gồm các khoản sau:

- Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kì trên cơ sở chứng từ thực tế.

- Lãi thu được từ việc cho vay.

#### **❖ Tài khoản sử dụng**

Để hạch toán doanh thu hoạt động tài chính Xí nghiệp sử dụng tài khoản sau:

- TK 515 - Doanh thu hoạt động tài chính

- TK 111 - Tiền mặt

+ TK 1111 - Tiền Việt Nam

- TK 112 - Tiền gửi ngân hàng

+ TK 1121 - Tiền Việt Nam

#### **❖ Chứng từ sử dụng**

- Giấy báo lãi

- Phiếu thu

- Chứng từ ghi sổ

#### **❖ Sổ sách sử dụng**

- Nhật ký chung

- Sổ cái TK 515

Ví dụ: Ngày 31 tháng 12 Ngân hàng Công thương Việt Nam gửi Giấy báo lãi tới Xí nghiệp kinh doanh phát triển nhà thông báo về số lãi tiền gửi ngân hàng tháng 12 của Xí nghiệp.

- Căn cứ vào Giấy báo lãi kế toán lập chứng từ ghi sổ. Từ chứng từ ghi sổ kế toán nhập dữ liệu vào máy tính, kế toán chọn phân hệ “Nhập số liệu” => “Chứng từ kế toán” => Màn hình số liệu. Phần mềm tự động ghi nghiệp vụ vào sổ nhật ký chung và sổ cái TK 515.

- Để xem sổ nhật ký chung và sổ cái TK 515 kế toán chọn “Báo cáo kế toán”=> “In nhật ký chung các TK” và “In sổ cái các TK”=> “Thi hành”.

Date printed: 2/01/10 17:09:54

Vietinbank

Branch: 00164 DDI035P

Branch: 00164 CN Lê Chân - NH TMCP Công thương Việt Nam

**GIẤY BÁO LÃI**

(Từ ngày 1/12/2009 đến ngày 31/12/2009)

Kính gửi: Xí nghiệp kinh doanh phát triển nhà

Chúng tôi đã tính lãi đến cuối ngày 31/12/2009 TK số 102010000206640 mở tại ngân hàng chúng tôi với lãi suất và số tiền như sau:

Lãi suất (%/năm): 2.5

Số tiền lãi: 1.151.594 đồng

NH TMCP Công thương Việt Nam

Kính báo

**Biểu 2.13:**

**ĐƠN VỊ: XÍ NGHIỆP KINH DOANH PHÁT TRIỂN NHÀ**

**CHỨNG TỪ GHI SỔ**

Số: 37

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Chứng từ		Trích yếu	Số hiệu tài khoản		Số tiền	Ghi chú
Số	Ngày		Nợ	Có		
	<b>31/12</b>	<b>Thu lãi tiền gửi ngân hàng T12/09</b>	<b>1121</b>	<b>515</b>	<b>1.151.594</b>	
		<b>Cộng</b>			<b>1.151.594</b>	

Kèm theo.....chứng từ gốc

Người lập  
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng  
(Ký, họ tên)

**Biểu 2.14:**

ĐƠN VỊ: XÍ NGHIỆP KINH DOANH PHÁT TRIỂN NHÀ

**NHẬT KÝ CHUNG**  
*Quý 4 năm 2009*

Ngày chứng từ	Số hiệu chứng từ	Nội dung chứng từ	TKĐU'		Số tiền
			Nợ	Có	
.....	.....	.....	.....	.....	.....
<b>31/12/09</b>	<b>CTGS37</b>	<b>Lãi tiền gửi ngân hàng</b>	<b>1121</b>	<b>515</b>	<b>1.151.594</b>
.....	.....	.....	.....	.....	.....
31/12/09	CTGS40	Hoàn tiền vay, lãi vay, VTTH 02 CT sửa chữa	1111	515	710.000
31/12/09	CTGS42	Hoàn tiền vay, tạm ứng, lãi vay 05 CT đã quyết toán	1111	515	20.076.600
31/12/09	CTGS43	Hoàn tiền vay và lãi vay CT chung cư Vĩnh Niệm	1111	515	1.240.000
31/12/09	CTGS44	Hoàn trả tiền vay, tạm ứng, VTTH	1111	515	13.443.200
.....	.....	.....	.....	.....	.....
31/12/09	CTGS85	Kết chuyển DTTC xd kết quả kinh doanh	515	911	134.970.230
		<b>Tổng cộng</b>			<b>147.275.844.922</b>

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Ngày.....tháng.....năm 2009  
Thủ trưởng đơn vị

(Nguồn tài liệu: Sổ nhật ký chung trong quý 4 năm 2009)

**Biểu 2.15:**

ĐƠN VỊ: XÍ NGHIỆP KINH DOANH PHÁT TRIỂN NHÀ

**SỔ CÁI TÀI KHOẢN 515**

Quý 4 năm 2009

Tài khoản 515 - Doanh thu hoạt động tài chính

Ngày chứng từ	Số hiệu chứng từ	Nội dung chứng từ	TKĐƯ		Số tiền nợ	Số tiền có
			Nợ	Có		
30/10/09	CTGS41	Lãi tiền gửi ngân hàng	1121	515		247.543
30/11/09	CTGS35	Lãi tiền gửi ngân hàng	1121	515		308.893
<b>31/12/09</b>	<b>CTGS37</b>	<b>Lãi tiền gửi ngân hàng</b>	<b>1121</b>	<b>515</b>		<b>1.151.594</b>
31/12/09	CTGS40	Hoàn tiền vay, lãi vay, VTTH 02 CT sửa chữa	1111	515		710.000
31/12/09	CTGS42	Hoàn tiền vay, tạm ứng, lãi vay 05 CT đã quyết toán	1111	515		20.076.600
31/12/09	CTGS43	Hoàn tiền vay và lãi vay CT chung cư Vĩnh Niệm	1111	515		1.240.000
31/12/09	CTGS44	Hoàn trả tiền vay, tạm ứng, VTTH	1111	515		13.443.200
31/12/09	CTGS45	Hoàn trả tiền vay, lãi vay 05 sửa chữa đã quyết toán	1111	515		9.909.100
31/12/09	CTGS49	Hoàn trả tiền vay, tạm ứng, lãi vay, VTTH CT số 8	1111	515		75.473.300
31/12/09	CTGS67	Hoàn trả lãi vay CT Thùy Dương	1111	515		12.410.000
31/12/09	CTGS85	Kết chuyên DTTC xđ kết quả kinh doanh	515	911	134.970.230	
		<b>Tổng cộng</b>			<b>134.970.230</b>	<b>134.970.230</b>

Số dư đầu kỳ:

Số dư cuối kỳ:

Ngày....tháng...năm 2009

Thủ trưởng đơn vị

Người lập biểu

Kế toán trưởng

(Nguồn tài liệu: Sổ cái tài khoản 515 trong quý 4 năm 2009)

### **2.2.2.2 Kế toán chi phí hoạt động tài chính**

Chi phí hoạt động tài chính tại Xí nghiệp kinh doanh phát triển nhà là chi phí đi vay.

Để hạch toán chi phí hoạt động tài chính kế toán sử dụng tài khoản sau:

- TK 635 - Chi phí hoạt động tài chính

Và các TK có liên quan như:

- TK 111 - Tiền mặt

+ TK 1111 - Tiền Việt Nam

- TK 112 - Tiền gửi ngân hàng

+ TK 1121 - Tiền Việt Nam

#### **❖ Chứng từ sử dụng**

- Phiếu chi

- Đề nghị rút vốn

- Chứng từ ghi sổ

- Sổ cái TK 635

#### **❖ Sổ sách sử dụng**

- Nhật ký chung

- Sổ cái TK 635

- Sổ cái TK có liên quan

Ví dụ: Ngày 30 tháng 12 năm 2009, bà Đỗ Thị Thu Huyền gửi đề nghị rút vốn vay cho vay huy động theo thỏa thuận cho Xí nghiệp.

Căn cứ trên đơn đề nghị rút vốn vay kế toán viết phiếu chi số 13/12 sau đó lập chứng từ ghi sổ. Từ chứng từ ghi sổ kế toán nhập dữ liệu vào máy tính. Kế toán chọn “Nhập số liệu”=> “Chứng từ kế toán” => Màn hình nhập số liệu. Nhập xong phần mềm sẽ tự động chuyển số liệu vào nhật ký chung và sổ cái TK 635.

Để xem nhật ký chung và sổ cái TK 635, kế toán chọn phân hệ “Báo cáo kế toán”=> chọn lần lượt “In nhật ký chung các TK” và “In sổ cái các TK”=> “Thi hành”.



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
*Độc lập - Tự do - Hạnh phúc*  
.....o0o.....

**ĐỀ NGHỊ**  
**RÚT VỐN VAY CHO VAY HUY ĐỘNG THEO THỎA THUẬN**

Tên tôi là: Đỗ Thị Thu Huyền

Địa chỉ: 29/193 Văn Cao - Đằng Lâm - Hải An - HP

Số CMND:.....Cấp ngày.....tại.....

Nay xin rút số vốn đã cho Xí nghiệp kinh doanh phát triển nhà vay ngày 18 tháng 9 năm 2009 cùng với lãi vay đã thỏa thuận.

Số tiền vốn là: 250.000.000/.

Lãi suất: 1%/tháng

Số tiền lãi: 8.500.000 (3 tháng 12 ngày)

Tổng cộng: 258.500.000/.

(Bằng chữ: Hai trăm năm tám triệu năm trăm ngàn đồng chẵn/.....  
.....)

*Hải Phòng, ngày 30 tháng 12 năm 2009*

Giám đốc duyệt

Ban tài vụ

Người đề nghị

Đỗ Văn Minh

Trần Thị Huyền

Đỗ Thị Thu Huyền

Đơn vị: XN kinh doanh phát triển nhà

**PHIẾU CHI**

Quyển số:...

**Mẫu số 02-TT**

Địa chỉ: Số 5-Hai Bà Trưng-Mê Linh

Ngày 30 tháng 12 năm 2009

Số: 13 /12

Ban hành theo QĐ số

Nợ:.....

15/2006/QĐ-BTC

Có:.....

ngày 20/3/2006 của  
Bộ trưởng BTC

Họ, tên người nhận tiền: **Đỗ Thị Thu Huyền**

Địa chỉ: 29/193 Văn Cao – Đằng Lâm – Hải An – Hải Phòng

Lý do chi: Thanh toán vốn vay huy động và lãi vay

Số tiền: 258.500.000 (Viết bằng chữ) Hai trăm năm tám triệu năm trăm ngàn đồng chẵn/.

Kèm theo.....chứng từ gốc.....

Ngày 30 tháng 12 năm 2009

Thủ trưởng đơn vị	Kế toán trưởng	Người lập	Người nhận	Thủ quỹ
(Ký, họ tên, đóng dấu)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)

Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ):.....  
 + Tỷ giá ngoại tệ (vàng, bạc, đá quý):.....  
 + Số tiền quy đổi.....

**Biểu 2.16:**

**ĐƠN VỊ: XÍ NGHIỆP KINH DOANH PHÁT TRIỂN NHÀ**

**CHỨNG TỪ GHI SỔ**

Số: 31

Ngày 30 tháng 12 năm 2009

Chứng từ		Trích yếu	Số hiệu tài khoản		Số tiền	Ghi chú
Số	Ngày		Nợ	Có		
	30/12	Thanh toán vốn vay và lãi vay (Đỗ Thu Huyền)	311 <b>635</b>	1111 <b>1111</b>	250.000.000 <b>8.500.000</b>	
	30/12	Thanh toán vốn vay và lãi vay (Đồng Thị Vân)	311 635	1111 1111	200.000.000 8.733.300	
		<b>Cộng</b>			<b>467.233.300</b>	

Kèm theo.....chứng từ gốc

**Người lập**  
(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(Ký, họ tên)

**Biểu 2.17:**

ĐƠN VỊ: XÍ NGHIỆP KINH DOANH PHÁT TRIỂN NHÀ

**NHẬT KÝ CHUNG**  
*Quý 4 năm 2009*

Ngày chứng từ	Số hiệu chứng từ	Nội dung chứng từ	TKĐƯ		Số tiền
			Nợ	Có	
.....	.....	.....	.....	.....	.....
30/12/09	CTGS31	Thanh toán lãi vay - Đỗ Thu Huyền	635	1111	8.500.000
30/12/09	CTGS31	Thanh toán lãi vay - Đồng Thị Vân	635	1111	8.733.300
30/12/09	CTGS32	Thanh toán lãi vay - Đồng Thị Hiền	635	1111	3.550.000
30/12/09	CTGS32	Thanh toán lãi vay - Đồng Thị Lương	635	1111	8.000.000
.....	.....	.....	.....	.....	.....
31/12/09	CTGS85	Kết chuyển CPTC xác định KQKD	911	635	97.182.500
		<b>Tổng cộng</b>			<b>147.275.844.922</b>

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Ngày.....tháng.....năm 2009

Thủ trưởng đơn vị

(Nguồn tài liệu: Sổ nhật ký chung trong quý 4 năm 2009)

**Biểu 2.18:**

ĐƠN VỊ: XÍ NGHIỆP KINH DOANH PHÁT TRIỂN NHÀ

**SỔ CÁI TÀI KHOẢN 635**

Quý 4 năm 2009

Tài khoản 635 - Chi phí hoạt động tài chính

Ngày chứng từ	Số hiệu chứng từ	Nội dung chứng từ	TKĐƯ		Số tiền nợ	Số tiền có
			Nợ	Có		
15/12/09	CTGS10	Thanh toán lãi vay - Đỗ Văn Hùng	635	1111	1.216.000	
<b>30/12/09</b>	<b>CTGS31</b>	<b>Thanh toán lãi vay - Đỗ Thu Huyền</b>	<b>635</b>	<b>1111</b>	<b>8.500.000</b>	
30/12/09	CTGS31	Thanh toán lãi vay - Đồng Thị Vân	635	1111	8.733.300	
30/12/09	CTGS32	Thanh toán lãi vay - Đồng Thị Hiền	635	1111	3.550.000	
30/12/09	CTGS32	Thanh toán lãi vay - Đồng Thị Lương	635	1111	8.000.000	
30/12/09	CTGS33	Thanh toán lãi vay - Đỗ Văn Tình	635	1111	7.416.600	
30/12/09	CTGS33	Thanh toán lãi vay - Đinh Văn Hiệp	635	1111	7.150.000	
30/12/09	CTGS34	Thanh toán lãi vay - Hoàng Thị Thanh	635	1111	5.900.000	
30/12/09	CTGS34	Thanh toán lãi vay - Hoàng Thị Bích	635	1111	7.416.600	
30/12/09	CTGS36	Thanh toán lãi vay - Đoàn Thị Hoa	635	1111	21.600.000	
30/12/09	CTGS36	Trả tiền vay và lãi vay Công ty KDN	635	1121	17.700.000	
31/12/09	CTGS85	Kết chuyển CPTC xác định KQKD	911	635		97.182.500
		<b>Tổng cộng</b>			<b>97.182.500</b>	<b>97.182.500</b>

Số dư đầu kỳ:

Số dư cuối kỳ:

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Thủ trưởng đơn vị

Người lập biểu

Kế toán trưởng

(Nguồn tài liệu: Sổ cái tài khoản 632 trong quý 4 năm 2009)

**2.2.3 Thực trạng tổ chức kế toán thu nhập, chi phí khác tại Xí nghiệp**

**2.2.3.1 Thu nhập khác**

TK 711 - Thu nhập khác: Xí nghiệp kinh doanh phát triển nhà không sử dụng TK này trong hạch toán kế toán.

**2.2.3.2 Chi phí khác**

- TK 811 - Chi phí khác: Xí nghiệp kinh doanh phát triển nhà không sử dụng TK 811 trong hạch toán vì tại Xí nghiệp hầu như không phát sinh nghiệp vụ nào liên quan đến TK này.

- TK 821 - Chi phí thuế TNDN: Trong quý 4 năm 2009, do kết quả kinh doanh chỉ ở mức hòa vốn nên Xí nghiệp không phải nộp thuế TNDN nên không phát sinh nghiệp vụ liên quan đến tài khoản này.

**2.2.4 Thực trạng tổ chức kế toán xác định kết quả kinh doanh tại Xí nghiệp**

Để hạch toán kết quả kinh doanh, kế toán sử dụng các tài khoản sau:

- TK 911 - Xác định kết quả hoạt động kinh doanh
- TK 421 - Lợi nhuận chưa phân phối

Chứng từ và sổ sách sử dụng bao gồm:

- Chứng từ ghi sổ
- Nhật ký chung
- Sổ cái TK 911, 421

Kết quả kinh doanh của Xí nghiệp trong quý 4 năm 2009 được hạch toán như sau:

LN		DT thuần về bán hàng và		Giá vốn hàng				
gộp	=	cung cấp dịch vụ	-	bán				
	=	15.902.646.207	-	15.287.422.000	= 615.224.207			
LN của								
hoạt động	=	LN	+	DT hoạt động	-	Chi phí tài	-	Chi phí quản lý
kinh doanh		gộp		tài chính		chính		
	=	615.224.207	+	134.970.230	-	97.182.500	-	653.011.937
	=	0						

**Biểu 2.19:**

ĐƠN VỊ: XÍ NGHIỆP KINH DOANH PHÁT TRIỂN NHÀ

**CHỨNG TỪ GHI SỔ**

Số: 85

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Chứng từ		Trích yếu	Số hiệu tài khoản		Số tiền	Ghi chú
Số	Ngày		Nợ	Có		
	31/12	Kết chuyển doanh thu bán hàng	5112	911	15.902.646.207	
	31/12	Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính	515	911	134.970.230	
	31/12	Kết chuyển giá vốn hàng bán	911	632	15.287.422.000	
	31/12	Kết chuyển chi phí hoạt động tài chính	911	635	97.182.500	
	31/12	Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp	911	642	653.011.937	
		Cộng			32.075.232.874	

Kèm theo.....chứng từ gốc

Người lập

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

**Biểu 2.20:**

ĐƠN VỊ: XÍ NGHIỆP KINH DOANH PHÁT TRIỂN NHÀ

**NHẬT KÝ CHUNG**  
*Quý 4 năm 2009*

Ngày chứng từ	Số hiệu chứng từ	Nội dung chứng từ	TKĐƯ		Số tiền
			Nợ	Có	
.....	.....	.....	.....	.....	.....
31/12/09	CTGS85	Kết chuyển doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	5112	911	15.902.646.207
31/12/09	CTGS85	Kết chuyển giá vốn hàng bán xđ kết quả kinh doanh	911	632	15.287.422.000
31/12/09	CTGS85	Kết chuyển chi phí tài chính	911	635	97.182.500
31/12/09	CTGS85	Kết chuyển chi phí quản lý	911	642	653.011.937
31/12/09	CTGS85	Kết chuyển doanh thu tài chính	515	911	134.970.230
		<b>Tổng cộng</b>			<b>147.275.844.922</b>

Người lập biểu

Kế toán trưởng

*Ngày.....tháng.....năm 2009*  
Thủ trưởng đơn vị

*(Nguồn tài liệu: Sổ nhật ký chung trong quý 4 năm 2009)*

**Biểu 2.21:**

**ĐƠN VỊ: XÍ NGHIỆP KINH DOANH PHÁT TRIỂN NHÀ**

**SỔ CÁI TÀI KHOẢN 911**

*Quý 4 năm 2009*

Tài khoản 911 - Xác định kết quả kinh doanh

Ngày chứng từ	Số hiệu chứng từ	Nội dung chứng từ	TKĐƯ		Số tiền nợ	Số tiền có
			Nợ	Có		
31/12/09	CTGS85	Kết chuyển doanh thu bán hàng	5112	911		15.902.646.207
31/12/09	CTGS85	Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính	515	911		134.970.230
31/12/09	CTGS85	Kết chuyển giá vốn hàng bán	911	632	15.287.422.000	
31/12/09	CTGS85	Kết chuyển chi phí hoạt động tài chính	911	635	97.182.500	
31/12/09	CTGS85	Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp	911	642	653.011.937	
		<b>Tổng cộng</b>			<b>16.037.616.437</b>	<b>16.037.616.437</b>

Số dư đầu kỳ:

Số dư cuối kỳ:

*Ngày 31 tháng 12 năm 2009*

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Thủ trưởng đơn vị

*(Nguồn tài liệu: Sổ cái tài khoản 911 trong quý 4 năm 2009)*



**Biểu 2.22:**

XÍ NGHIỆP KINH DOANH PHÁT TRIỂN NHÀ

Mẫu số B02-DN  
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày  
20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Quý 4 năm 2009

Đơn vị tính: VNĐ

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số kỳ này	Cùng kỳ năm trước
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.25	15.902.646.207	736.725.190
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02			
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		15.902.646.207	736.725.190
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.27	15.287.422.000	680.911.000
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		615.224.207	55.814.190
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.26	134.970.230	13.358.678
7. Chi phí hoạt động tài chính	22	VI.28	97.182.500	9.600.000
- Trong đó chi phí lãi vay	23			
8. Chi phí bán hàng	24			
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		653.011.937	59.572.868
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30= 20+(21-22)-(24+25))	30			
11. Thu nhập khác	31			
12. Chi phí khác	32			
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40			
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50			
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.30		
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	VI.30		
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN (60=50-51)	60			
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70			

Lập ngày 31 tháng 12 năm 2009

**Người lập biểu**  
(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(Ký, họ tên)

**Giám đốc**  
(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn tài liệu: Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh quý 4 năm 2009)

**CHƯƠNG 3****GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN TỔ CHỨC KẾ TOÁN  
DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ  
KINH DOANH TẠI XÍ NGHIỆP KINH DOANH PHÁT TRIỂN  
NHÀ - CÔNG TY KINH DOANH NHÀ  
HẢI PHÒNG****3.1 Đánh giá thực trạng tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Xí nghiệp kinh doanh phát triển nhà****3.1.1 Kết quả đạt được**

Trong quá trình thực tập và tìm hiểu tình hình thực tế về kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Xí nghiệp kinh doanh phát triển nhà, em nhận thấy tổ chức công tác kế toán nói chung và tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Xí nghiệp đã đạt được những kết quả sau:

➤ *Về bộ máy kế toán:*

Bộ máy kế toán được tổ chức theo hình thức tập trung, mọi nghiệp vụ kinh tế phát sinh đều được gửi lên phòng kế toán để kiểm tra, xử lý và ghi chép vào sổ sách. Hình thức này gọn nhẹ, đảm bảo công tác kế toán được thực hiện một cách thống nhất. Trong Xí nghiệp có sự phân chia công việc và phối hợp giữa các nhân viên phòng tài chính kế toán góp phần làm giảm khối lượng công việc. Hệ thống kế toán của Xí nghiệp đã đi vào nề nếp, được tổ chức tương đối hoàn chỉnh phù hợp với đặc điểm sản xuất kinh doanh của Xí nghiệp. Các nhân viên kế toán đều có tinh thần trách nhiệm cao, nắm vững chính sách chế độ của nhà nước cũng như nhiệm vụ của mình, hoàn thành tốt công việc được giao, làm việc có khoa học, có tinh thần tương trợ giúp đỡ lẫn nhau.

➤ *Về hình thức kế toán*

Hiện tại, Xí nghiệp kinh doanh phát triển nhà đang sử dụng phần mềm kế toán NCC Account theo hình thức Nhật ký chung. Việc sử dụng phần mềm này trong việc tổ chức kế toán của Xí nghiệp tạo điều kiện thuận lợi cho nhân viên phòng tài vụ hoàn thành nhiệm vụ của mình, giảm thiểu khối lượng công việc, đáp ứng được việc ghi chép một cách nhanh chóng, kịp thời khi nghiệp vụ phát sinh

➤ *Chứng từ sử dụng và quá trình luân chuyển chứng từ*

Kế toán sử dụng hệ thống chứng từ kế toán đúng theo mẫu của chế độ kế toán hiện hành. Các chứng từ sử dụng trong quá trình hạch toán ban đầu đều phù hợp với yêu cầu của kinh tế và pháp lý của các nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Những thông tin về nghiệp vụ kế toán được ghi đầy đủ, chính xác vào chứng từ, tạo điều kiện cho việc tìm kiếm, kiểm tra, đối chiếu khi cần thiết. Trình tự luân chuyển chứng từ đảm bảo cho chứng từ lập ra có cơ sở thực tế, cơ sở pháp lý. Việc lưu trữ chứng từ tương đối khoa học và được giám sát chặt chẽ, kế toán ở phần hành nào thì lưu trữ chứng từ liên quan đến phần hành đó. Vì vậy bảo đảm không gây chồng chéo và nguyên tắc phân công, phân nhiệm rõ ràng.

➤ *Về tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh*

- Về tổ chức kế toán doanh thu: Mọi nghiệp vụ kinh tế phát sinh về bán hàng và cung cấp dịch vụ đều được kế toán ghi nhận doanh thu một cách kịp thời, chính xác, đảm bảo nguyên tắc phù hợp khi ghi nhận giữa doanh thu và chi phí phát sinh. Việc theo dõi hạch toán doanh thu như hiện nay là cơ sở quan trọng để từng bước xác định, đánh giá hiệu quả của hoạt động sản xuất kinh doanh để từ đó có kế hoạch đúng đắn trong hoạt động kinh doanh của Xí nghiệp.

- Về công tác kế toán chi phí : Chi phí là một vấn đề mà nhà quản lý luôn phải quan tâm, cân nhắc và luôn muốn tìm mọi cách để quản lý chặt chẽ chi phí nhằm tránh lãng phí, làm giảm lợi nhuận. Bởi vậy, công tác hạch toán chi phí tại Xí nghiệp đã đảm bảo được tính đầy đủ và kịp thời khi phát sinh.

- Về công tác kế toán xác định kết quả hoạt động kinh doanh: Công tác kế toán xác định kết quả hoạt động kinh doanh tại Xí nghiệp đã đáp ứng được yêu cầu của Ban giám đốc Xí nghiệp trong việc cung cấp thông tin về tình hình kinh doanh của Xí nghiệp một cách kịp thời và chính xác. Việc ghi chép dựa trên căn cứ khoa học của chế độ kế toán hiện hành và tình hình thực tế của Xí nghiệp.

Hiện nay, sau mỗi quý, kế toán trưởng tiến hành lập báo cáo về tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh của Xí nghiệp trong quý để trình lên Ban giám đốc. Đây là một điểm tích cực cần phát huy, bởi việc này giúp cho nhà quản lý luôn nắm bắt được tình hình tài chính của Xí nghiệp cũng như hiệu quả hoạt động kinh

doanh của Xí nghiệp. Từ đó đề ra phương hướng, chiến lược phát triển Xí nghiệp, cũng như đưa ra các quyết định tài chính đúng đắn.

### **3.1.2 Hạn chế**

Bên cạnh những kết quả đạt được thì tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Xí nghiệp còn một số mặt hạn chế như sau:

➤ *Về chứng từ sử dụng*

- *Thứ nhất:* Tại Xí nghiệp kinh doanh phát triển nhà, khi có một nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong kỳ, căn cứ từ các chứng từ gốc như HĐ GTGT, phiếu thu, phiếu chi, bảng thanh toán lương.....kế toán lập chứng từ ghi sổ sau đó từ chứng từ ghi sổ kế toán nhập dữ liệu vào máy tính. Như vậy chứng từ ghi sổ mà kế toán lập đóng vai trò như một loại chứng từ để ghi lại các nghiệp vụ phát sinh trên chứng từ gốc để kế toán căn cứ vào đó nhập dữ liệu vào máy. Tuy nhiên, chứng từ ghi sổ là tên của một loại sổ của hình thức chứng từ ghi sổ. Mặt khác, phần mềm NCC Account Xí nghiệp đang sử dụng được thiết kế theo hình thức nhật ký chung. Như vậy việc sử dụng chứng từ ghi sổ như một loại chứng từ của kế toán tại Xí nghiệp sẽ gây hiểu nhầm giữa hai hình thức nhật ký chung và hình thức chứng từ ghi sổ đồng thời không đúng với quy định của chế độ kế toán hiện hành.

- *Thứ hai:* Phần mềm kế toán NCC Account Xí nghiệp đang dùng có thể sử dụng để lập phiếu thu, phiếu chi. Kế toán có thể sử dụng phần mềm NCC Account để lập phiếu thu, phiếu chi nhưng trên thực tế kế toán vẫn thực hiện việc lập phiếu thu, phiếu chi bằng tay. Điều đó chứng tỏ phần mềm này vẫn chưa được tận dụng triệt để gây lãng phí, giảm hiệu quả của việc áp dụng phần mềm trong công tác kế toán.

➤ *Về việc hạch toán chi phí quản lý doanh nghiệp*

- *Thứ nhất:* Hiện nay, Xí nghiệp kinh doanh phát triển nhà vẫn mở tài khoản 1422-*Chi phí chờ kết chuyển* để hạch toán toàn bộ chi phí quản lý doanh nghiệp. Trong chế độ kế toán theo quyết định số 1141/1995-BTC thì TK 1422 – *Chi phí chờ kết chuyển* là TK cấp 2 của TK 142 – *Chi phí trả trước*. Đồng thời, theo quyết định 1141/1995, toàn bộ chi phí quản lý doanh nghiệp đều được hạch toán vào TK 1422 – *Chi phí chờ kết chuyển* . Nhưng quyết định này đã không còn hiệu lực và

như vậy việc sử dụng TK 1422 trong hạch toán chi phí quản lý doanh nghiệp là không đúng với quy định của chế độ kế toán hiện hành. Xí nghiệp cần xem xét lại vấn đề này.

- *Thứ hai:* Các nhà quản lý kinh doanh rất cần biết thông tin chi tiết cụ thể về các yếu tố chi phí cũng như việc sử dụng loại chi phí này để từ đó lập dự toán chi phí và chủ động điều tiết chi phí. Nhưng ở Xí nghiệp kinh doanh phát triển nhà tất cả các chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh đều được tập hợp, phản ánh tổng hợp trên TK 1422 – *Chi phí chờ kết chuyển* sau đó đến cuối quý mới kết chuyển sang TK 642 - *Chi phí quản lý doanh nghiệp*. Do đó kế toán Xí nghiệp không mở sổ chi tiết TK 642 và mở chi tiết TK cấp 2 của TK 642 để theo dõi cho các yếu tố chi phí khi phát sinh.

### **3.2 Giải pháp hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả hoạt động kinh doanh**

#### **3.2.1 Nguyên tắc hoàn thiện**

Mục đích của việc hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh là tạo hướng đi đúng đắn đưa việc tổ chức kế toán đi vào nề nếp, với các doanh nghiệp việc hoàn thiện này không nằm ngoài mục tiêu tăng doanh thu và đạt lợi nhuận cao. Để đạt được hiệu quả trong việc hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh phải dựa trên các nguyên tắc sau:

- Hoàn thiện phải dựa trên cơ sở tôn trọng cơ chế tài chính, chế độ kế toán và các chuẩn mực kế toán của nhà nước nhưng không cứng nhắc mà linh hoạt. Nhà nước xây dựng và ban hành hệ thống kế toán, chế độ kế toán áp dụng cho các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế nên việc hoàn thiện phải xem xét sao cho việc hoàn thiện không vi phạm chế độ.

- Hoàn thiện phải phù hợp với đặc điểm doanh nghiệp nhằm tạo điều kiện sản xuất kinh doanh hiệu quả, do đó cần phải vận dụng chế độ kế toán một cách sáng tạo, phù hợp với đặc điểm của ngành mình.

- Hoàn thiện phải đáp ứng yêu cầu thông tin kịp thời, chính xác, phù hợp với yêu cầu quản lý vì chức năng của kế toán là cung cấp thông tin kinh tế chính xác,

cần thiết, kịp thời cho việc ra quyết định các phương án kinh doanh tối ưu cho doanh nghiệp.

- Việc xác định kết quả kinh doanh phải đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa thu nhập và chi phí, một yêu cầu cần thiết và luôn luôn đúng trong mọi trường hợp đó là tiết kiệm và nâng cao hiệu quả sao cho chi phí bỏ ra là thấp nhất và lợi nhuận đạt được là cao nhất.

### **3.3.2 Giải pháp hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh**

Qua quá trình thực tập tại Xí nghiệp, trên cơ sở tìm hiểu, vận dụng lý thuyết vào thực tế tại Xí nghiệp, em nhận thấy công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả của Xí nghiệp còn có những hạn chế mà nếu được khắc phục thì phân hành kế toán này của Xí nghiệp sẽ được hoàn thiện và có hiệu quả cao hơn. Em xin đưa ra một vài giải pháp hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Xí nghiệp như sau:

#### **3.3.2.1 Hoàn thiện chứng từ sử dụng**

➤ *Thứ nhất:*

Như đã trình bày ở trên, việc sử dụng chứng từ ghi sổ như một loại chứng từ kế toán là hoàn toàn không phù hợp với hình thức kế toán của Xí nghiệp cũng như không đúng với chế độ kế toán hiện hành. Do đó kế toán không nên lập chứng từ ghi sổ để làm chứng từ thay vào đó nên sử dụng các phiếu kế toán.

Từ các chứng từ gốc như phiếu thu, phiếu chi, bảng thanh toán lương, bảng tính khấu hao TSCĐ... kế toán lập phiếu kế toán theo *biểu 3.1*. Các phiếu kế toán này sẽ là căn cứ để kế toán tiến hành nhập dữ liệu vào máy tính.

**Biểu 3.1: Mẫu phiếu kế toán**

**PHIẾU KẾ TOÁN**

Ngày.....tháng.....năm.....

Số:.....

STT	Nội dung	TK Nợ	TK Có	Số tiền
	<b>Cộng</b>			

Ngày.....tháng.....năm.....

**NGƯỜI LẬP BIỂU**

Ví dụ:

Ngày 30 tháng 12 năm 2009, kế toán viết phiếu chi số 13/12 thanh toán chi phí vay và lãi vay 258.500.000 đồng cho bà Đỗ Thị Thu Huyền.

Căn cứ trên phiếu chi số 13/12 kế toán sẽ ghi nhận bút toán này bằng cách lập phiếu kế toán thay cho việc lập chứng từ ghi sổ.

**Biểu 3.2:**

**PHIẾU KẾ TOÁN**

Ngày 30 tháng 12 năm 2009

Số: 31

STT	Nội dung	TK Nợ	TK Có	Số tiền
1	Thanh toán vốn vay huy động và lãi vay (Đỗ Thu Huyền)	311	1111	250.000.000
		635	1111	8.500.000
2	Thanh toán vốn vay và lãi vay (Đồng Thị Vân)	311	1111	200.000.000
		635	1111	8.733.300
	Cộng			467.233.300

Ngày.....tháng.....năm.....

**NGƯỜI LẬP BIỂU**

➤ *Thứ hai:*

Để tận dụng triệt để, tránh lãng phí, nâng cao hiệu quả của việc áp dụng phần mềm NCC Acconut vào công tác kế toán tại Xí nghiệp kinh doanh phát triển nhà kế toán nên lập phiếu thu, phiếu chi trên phần mềm.

Ví dụ:

Ngày 31 tháng 12 năm 2009, kế toán lập phiếu chi thanh toán chi phí sửa máy tính ban tài vụ. Việc lập phiếu chi được thực hiện trên phần mềm như sau:

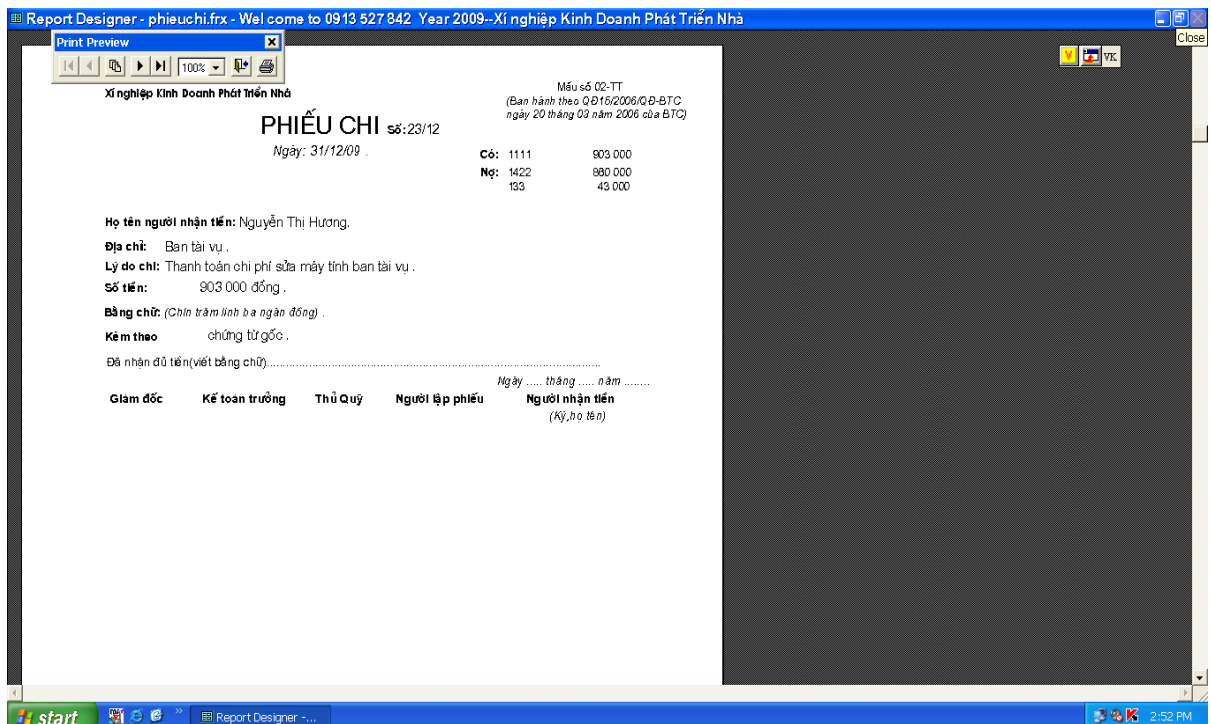
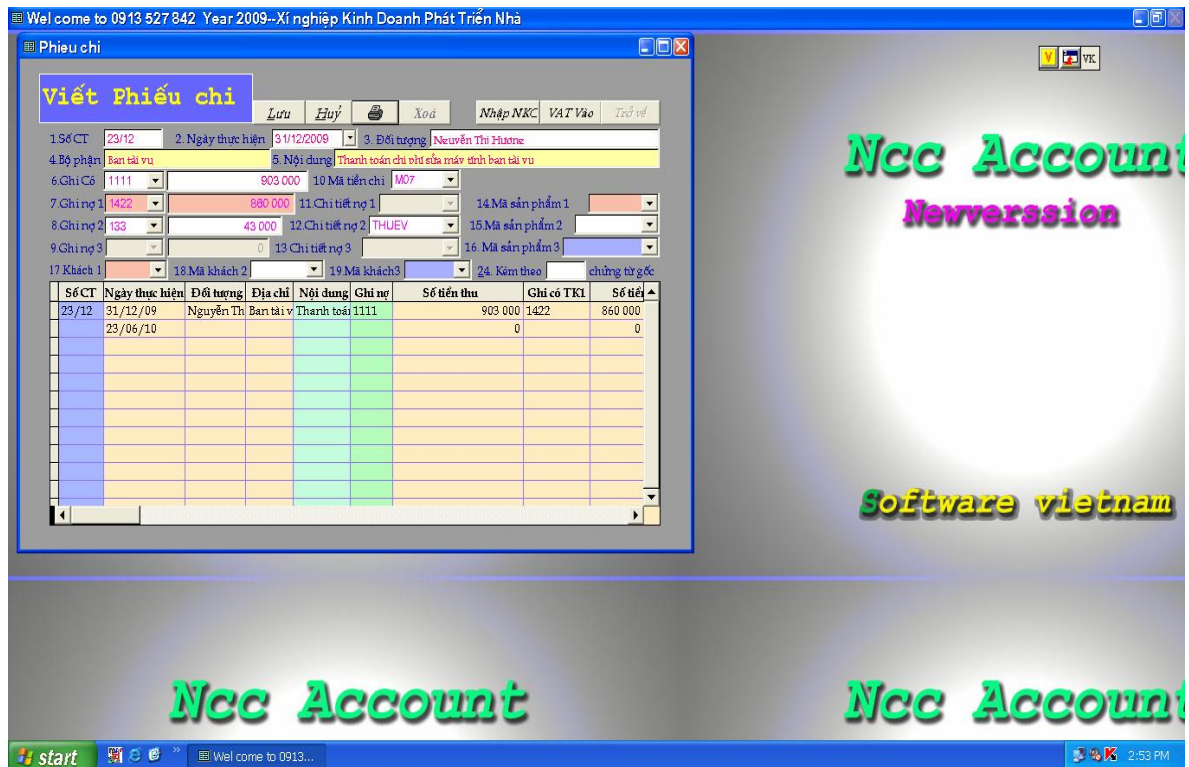
- Kế toán vào phần mềm chọn phân hệ “Nhập số liệu” => “Viết phiếu chi” => Màn hình viết phiếu chi hiện ra.

- Kế toán phải nhập đầy đủ các thông tin cần thiết trên màn hình viết phiếu chi như sau:

- + Số chứng từ: 23/12
- + Đối tượng: Họ và tên người nhận tiền
- + Địa chỉ: Ban tài vụ
- + Nội dung: Thanh toán chi phí sửa máy tính ban tài vụ
- + Ghi nợ, ghi có: Ghi số hiệu TK và số tiền tương ứng với từng TK



Sau khi điền xong các thông tin kế toán ấn “Luu” => Màn hình cho phép xem phiếu chi hiện ra.



### **3.3.2.2 Về việc hạch toán chi phí quản lý doanh nghiệp**

Để giải quyết được hai vấn đề liên quan đến việc hạch toán chi phí quản lý doanh nghiệp, Xí nghiệp nên:

➤ *Thứ nhất:*

Như đã trình bày ở trên *TK 1422 – Chi phí chờ kết chuyển* là TK trong chế độ kế toán theo quyết định 1141/1995 và quyết định này đã không còn hiệu lực. Mặt khác, Xí nghiệp đang thực hiện chế độ kế toán theo quyết định số 15/2006 của Bộ trưởng bộ tài chính do đó Xí nghiệp không nên mở và sử dụng *TK 1422 – Chi phí chờ kết chuyển*. Tất cả chi phí quản lý doanh nghiệp của Xí nghiệp cần hạch toán thẳng vào *TK 642 – Chi phí quản lý*.

➤ *Thứ hai:*

Việc theo dõi chi tiết yếu tố chi phí quản lý của Xí nghiệp vẫn còn hạn chế vì vậy Xí nghiệp có thể mở sổ chi tiết TK 642 theo *biểu 3.3*, để chi tiết hơn kế toán có thể dùng TK chi tiết cấp 2 của TK 642 cho mỗi loại chi phí phát sinh như sau:

- TK 6421: Chi phí nhân viên quản lý
- TK 6422: Chi phí vật liệu quản lý
- TK 6423: Chi phí đồ dùng văn phòng
- TK 6424: Chi phí khấu hao TSCĐ
- TK 6425: Thuế, phí và lệ phí
- TK 6426: Chi phí dự phòng
- TK 6427: Chi phí dịch vụ mua ngoài
- TK 6428: Chi phí bằng tiền khác

Việc làm này là cần thiết vì nó giúp kế toán xác định được yếu tố chi phí giúp cho việc quản lý dễ dàng, từ đó có thể đưa ra những biện pháp quản lý hữu hiệu đối với những khoản chi phí này.

**Biểu 3.3: Mẫu sổ chi phí sản xuất kinh doanh**

Đơn vị:.....

Mẫu số S36 – DN

Địa chỉ:.....

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

**SỔ CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH**

(Dùng cho các TK 621, 622, 623, 627, 154, 631, 641, 642, 142, 242, 335, 632)

- Tài khoản:.....
- Tên phân xưởng:.....
- Tên sản phẩm, dịch vụ:.....

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Ghi nợ TK 642							
	Số hiệu	Ngày tháng			Tổng số tiền	Chia ra						
						6421	6422	6423	6424	6425	.....	6428
			- Số dư đầu kỳ - Số phát sinh trong kỳ									
			- Cộng số phát sinh trong kỳ - Ghi có TK ... - Số dư cuối kỳ									

- Sổ này có...trang, đánh số từ trang 01 đến trang...
- Ngày mở sổ.....

**Người ghi sổ**  
(Ký, họ tên)

Ngày.....tháng.....năm.....  
**Kế toán trưởng**  
(Ký, họ tên)

Ví dụ: Ngày 31 tháng 12 năm 2009, tại Xí nghiệp phát sinh nghiệp vụ thanh toán chi phí sửa máy tính ban tài vụ 903.000 đồng và tính lương T12 khối gián tiếp + bảo vệ là 26.801.900 đồng.

Đơn vị: XN KINH DOANH PHÁT TRIỂN NHÀ

Mẫu số S36 – DN

Địa chỉ: Số 5 – Hai Bà Trưng – Mê Linh

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

**SỔ CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH**

- Tài khoản 642

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Ghi Nợ TK 642				
	Số hiệu	Ngày tháng			Tổng số tiền	Chia ra			
						6421	.....	6427	.....
.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....
		31/12	Lương T12 khối gián tiếp + bảo vệ	334	26.801.900				
.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....
		31/12	Thanh toán chi phí sửa máy tính	1111				903.000	
.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....
.....	.....	.....	Cộng phát sinh trong kỳ	.....	.....	.....	.....	.....	.....
.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....

- Sổ này có.....trang, đánh số từ trang 01 đến trang.....

- Ngày mở sổ:.....

**Người ghi sổ**

(Ký, họ tên)

Ngày.....tháng.....năm.....

**Kế toán trưởng**

(Ký, họ tên)

## KẾT LUẬN

Hòa cùng bước tiến của đất nước, mỗi doanh nghiệp đang từng ngày nỗ lực hết mình để vươn lên trong hoạt động sản xuất kinh doanh nhằm đạt được mức lợi nhuận như mong muốn và tạo lập giá trị doanh nghiệp bền vững. Trong cơ chế thị trường hiện nay, khi tính chất cạnh tranh ngày càng gay gắt thì việc tổ chức kế toán doanh thu chi phí và xác định kết quả kinh doanh ở mỗi doanh nghiệp cũng đòi hỏi phải được hoàn thiện hơn.

Nhận thức được vấn đề trên và được sự giúp đỡ, hướng dẫn tận tâm, nhiệt tình của Thạc sỹ Trần Thị Thanh Phương cùng các cán bộ nhân viên phòng tài vụ của Xí nghiệp kinh doanh phát triển nhà đã giúp em hoàn thành khóa luận tốt nghiệp của mình với đề tài : “Hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả hoạt động kinh doanh tại Xí nghiệp kinh doanh phát triển nhà – Công ty kinh doanh nhà Hải Phòng”.

Nội dung của đề tài khóa luận này rất rộng và phức tạp, đòi hỏi phải có những kinh nghiệm thực tiễn. Với trình độ có hạn, thời gian thực tập và nghiên cứu còn hạn chế do vậy bài làm của em không thể tránh khỏi những sai sót. Em rất mong nhận được sự chỉ bảo cũng như sự cảm thông từ các thầy cô.

Em xin chân thành gửi lời cảm ơn sâu sắc đến cô giáo Th.s Trần Thị Thanh Phương - người đã trực tiếp hướng dẫn em cùng các thầy cô giáo trong khoa quản trị, các cán bộ nhân viên Xí nghiệp đã giúp em hoàn thành bài khóa luận này và có cơ hội tìm hiểu sâu hơn về thực tế tổ chức kế toán tại Xí nghiệp.

Em xin chân thành cảm ơn!

*Hải Phòng, ngày 28 tháng 6 năm 2009*

**Sinh viên**

**Trần Thị Hoàng Anh**

## **TÀI LIỆU THAM KHẢO**

1. Giáo trình kế toán tài chính - Học viện tài chính
2. Chế độ kế doanh nghiệp
  - Quyển 1: Hệ thống tài khoản kế toán
  - Quyển 2: Báo cáo tài chính chứng từ và sổ kế toán sơ đồ kế toán
3. Khóa luận của anh, chị khóa trên tại thư viện trường ĐHDLHP

# MỤC LỤC

<b>LỜI MỞ ĐẦU .....</b>	<b>1</b>
<b>CHƯƠNG 1 CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP .....</b>	<b>3</b>
1.1 Sự cần thiết phải tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.....	3
1.2 Nhiệm vụ của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp .....	3
1.3 Đặc điểm tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp xây lắp.....	4
1.4 Nội dung tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp .....	5
1.4.1 Kế toán doanh thu bán hàng, các khoản giảm trừ doanh thu và chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh .....	5
1.4.1.1 Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, doanh thu nội bộ	5
1.4.1.2 Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu .....	12
1.4.1.3 Kế toán giá vốn hàng bán .....	15
1.4.1.4 Kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp .....	19
1.4.2 Kế toán doanh thu, chi phí hoạt động tài chính .....	23
1.4.2.1 Kế toán doanh thu hoạt động tài chính .....	23
1.4.2.2 Kế toán chi phí hoạt động tài chính.....	24
1.4.3 Kế toán thu nhập và chi phí khác .....	25
1.4.4 Kế toán xác định kết quả kinh doanh .....	28
1.5 Tổ chức hệ thống sổ sách kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh .....	30
1.5.1 Hình thức kế toán Nhật ký chung .....	30
1.5.2 Hình thức kế toán Nhật ký sổ cái .....	31
1.5.3 Hình thức kế toán Nhật ký chứng từ.....	31

1.5.4 Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ .....	32
<b>CHƯƠNG 2 THỰC TRẠNG TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI XÍ NGHIỆP KINH DOANH PHÁT TRIỂN NHÀ - CÔNG TY KINH DOANH NHÀ HẢI PHÒNG .....</b>	<b>34</b>
2.1 Khái quát chung về Xí nghiệp kinh doanh phát triển nhà .....	34
2.1.1 Quá trình hình thành và phát triển của Xí nghiệp .....	34
2.1.2 Đặc điểm sản xuất kinh doanh của Xí nghiệp .....	34
2.1.3 Đặc điểm tổ chức bộ máy quản lý của Xí nghiệp .....	35
2.1.4 Đặc điểm tổ chức công tác kế toán tại Xí nghiệp .....	36
2.1.4.1 Đặc điểm tổ chức bộ máy kế toán .....	36
2.1.4.2 Hình thức kế toán và các phương pháp, chính sách kế toán áp dụng tại Xí nghiệp .....	37
2.2 Thực trạng tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Xí nghiệp kinh doanh phát triển nhà .....	39
2.2.1 Thực trạng tổ chức kế toán doanh thu bán hàng, các khoản giảm trừ doanh thu và chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh tại Xí nghiệp .....	39
2.2.1.1 Kế toán doanh thu bán hàng .....	39
2.2.1.2 Kế các khoản giảm trừ doanh thu .....	48
2.2.1.3 Kế toán giá vốn hàng bán .....	48
2.2.1.4 Kế toán chi phí bán hàng .....	54
2.2.1.5 Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp .....	54
2.2.2 Thực trạng tổ chức kế toán doanh thu, chi phí hoạt động tài chính tại Xí nghiệp .....	60
2.2.2.1 Kế toán doanh thu hoạt động tài chính .....	60
2.2.2.2 Kế toán chi phí hoạt động tài chính .....	64
2.2.3 Thực trạng tổ chức kế toán thu nhập, chi phí khác tại Xí nghiệp .....	69
2.2.3.1 Thu nhập khác .....	69
2.2.3.2 Chi phí khác .....	69
2.2.4 Thực trạng tổ chức kế toán xác định kết quả kinh doanh tại Xí nghiệp .....	69



**CHƯƠNG 3 GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI XÍ NGHIỆP KINH DOANH PHÁT TRIỂN NHÀ - CÔNG TY KINH DOANH NHÀ**

<b>HẢI PHÒNG.....</b>	<b>74</b>
3.1 Đánh giá thực trạng tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Xí nghiệp kinh doanh phát triển nhà.....	74
3.1.1 Kết quả đạt được .....	74
3.1.2 Hạn chế.....	76
3.2 Giải pháp hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả hoạt động kinh doanh.....	77
3.2.1 Nguyên tắc hoàn thiện.....	77
3.3.2 Giải pháp hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh .....	78
3.3.2.1 Hoàn thiện chứng từ sử dụng.....	78
3.3.2.2 Về việc hạch toán chi phí quản lý doanh nghiệp.....	82
<b>KẾT LUẬN .....</b>	<b>85</b>
<b>TÀI LIỆU THAM KHẢO .....</b>	<b>86</b>